

NĂM THỨ 2

SỐ 24

Tháng November

và Décembre 1920

# VỊEN AM



不惑志士

月刊會學

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô bồn-sư  
**Thích-Cá Mâu-Ni Phật**

Tác Đại-Chứng-Minh

**PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH-DẠI ĐẠO-SƯ**

Túy-Ba tự Trù Trí: Giác-Nhiên Duyệt-y  
Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y  
Ký tên thê: Lê-định-Thám

## MỤC LỤC

### I.— QUYỀN ĐẦU NGỮ

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| — Học Phật (VIỆN - ÂM) . . . . . | 5 |
|----------------------------------|---|

### II.— DIỄN-DÀN

|  |   |
|--|---|
| — Bài chúc-tử bằng Pháp-văn của Nguyễn-khoa-Toàn đọc<br>hôm 27-2-37 lễ tiếp đón cụ Đại-sư Godart tại chùa<br>Bảo-quốc. . . . . | 4 |
| — Bài diễn-văn của ông Lý-xuân-Hòa đọc trong dịp lễ<br>Khánh-thành chùa Hội-Quán Đà-nẴng. . . . .                              | 9 |

### III.— LUẬN-DÀN

|   |    |
|---|----|
| — Chon-tang-gia-Luận (CHÂU-HAI) (tiếp theo) . . . . . | 21 |
| — Kiết-Sauh Tương-lục-luận. (V. A.) . . . . .         | 24 |

### IV.— KINH-HỌC

|  |    |
|--|----|
| — Đại ý kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo) . . . . . | 37 |
| — Kinh Thủ Lăng-Nghiêm (tiếp theo) . . . . .       | 38 |

### V.— LUẬN-HỌC

|  |    |
|--|----|
| — Nhơn-minh-Nháp-Chánh-lý luận (Viên-Âm) . . . . . | 53 |
|--|----|

### VI.— THI-LÂM

58

### V.— TIÊU-TÙC

|   |    |
|---|----|
| — Lễ tiếp Cụ Đại-sư Godart trong dịp Cụ đến thăm Phật<br>Học-Đường của Annam Phật-Học-Hội . . . . . | 59 |
| — Lễ Khánh-danh đức Phật Thích-ca . . . . .   | 62 |



# PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN

## VIÊN-ÂM

Hội Phật Học ở Huế được nghị định quan Toàn-Quyền ngày 30 Jain 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội-dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

|                         |                    |       |
|-------------------------|--------------------|-------|
| Giá Nguyệt San. . . . . | một năm. . . . .   | 2\$00 |
|                         | nửa năm. . . . .   | 1.10  |
|                         | mỗi quyền. . . . . | 0.20  |

Hội Phật Học tặng không nguyệt san này cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chun Hội-viên thì chỉ tặng một quyền.

TÒA SOẠN: 5 Rue Champeau — Hué  
Thơ từ mandat mua nguyệt san xin gởi cho

M. LÊ-DINH-THÁM  
Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUẾ  
Boîte postale n° 73

### PHÓ-CÁO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ mua nguyệt san (Bulletin d'abonnement), rồi gởi lại một lần với mandat để Bản San gởi tiếp số sau cho cuối trê và xin các ngài sàu lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san để thế biên lai.  
Những bài lai-cảo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thi không trả bão-thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải để tên Viên Âm.

Đăng quảng-cáo tinh giá phải chăng, xin gởi thư thương lượng trước.



## Quyển đầu-ngữ

### Học Phật

Lắm người tưởng rằng trong lúc nghe kinh cốt phải nghe văn cho rõ, nhớ nghĩa cho rành, về sau có thể lặp nghĩa lại được là đủ bồn-phận. Đến khi biết nghĩa vài chục bộ kinh thì đã tưởng mình là hiểu Phật-pháp. Nghỉ như vậy là sai lầm, vì tuy văn-tự trong kinh diền không thể ly Phật-pháp nhưng nếu nghe văn-tự tức là Phật-pháp thì thiệt chưa biết thế nào là Phật-pháp. Người học Phật cốt học đạo lý chứ không phải học chữ nghĩa, mà học đạo lý thì cần phải suy xét cho rộng rãi chín chắn mới thấu đáo được. Chính như đạo-lý của Nho-giáo, một đạo-lý rất dễ dàng mà cũng duy có cái ông nghe một biết mười là ông Nhan-Hồi được thâm nhập mà thôi. Huống chi đạo-lý của Phật-giáo rộng rãi huyền diệu, nếu không đề ý suy xét thì biết bao giờ cho thấu đáo dẫu đã học nhiều kinh diền. Vậy rất trọng mong các nhà học Phật đừng ham học nhiều mà cốt nhất cần phải xét tìm lý nghĩa cho rõ ráo, không nghe một biết mười cũng nghe một biết hai, thì sự học kinh diền đạo Phật mới chắc nhiều lợi ích.

Một người biết cách học Phật thì tuy chỉ học một bộ kinh mà lầm khi cũng đã thấu hiểu Phật-pháp rồi, hoặc ít nữa cũng thấu hiểu hơn những người đã học hơn vài chục bộ kinh mà chỉ học suông không suy xét nghĩa lý.



TEXTE DE L'ALLOCUTION IMPROVISÉE PAR M. NGUYEN-KHOA-TOAN A LA FÊTE DE RECEPTION ORGANISÉE A LA PAGODE BAO-QUOC PAR LA SEERBA, LE 27 FÉVRIER 1937, EN L'HONNEUR DE M. GODART

*Monsieur le Ministre,  
Monsieur le Résident-Supérieur,  
Excellences, Mesdames, Messieurs,*

Le Comité d'Administration de la Société d'Etude et d'Exercice de la Religion Bouddhique en Annam a voulu que revienne au modeste professeur du Séminaire des bonzes l'honneur de présenter ses respectueux souhaits de bienvenue à Monsieur le Ministre Délégué. En m'accordant de mon devoir, permettez-moi, Monsieur le Ministre Délégué, de vous dire la joie et la fierté avec lesquelles Bonzes de la Communauté de Hué, Bouddhistes, Membres de la Société bouddhique se sont réunis ce soir autour de vous et vous accueillent dans l'un des plus vieux monastères de la capitale où se trouve installée l'Ecole des Bonzes. Tous, nous apprécions plus que je ne saurais le dire, l'honneur et le plaisir que vous nous accordez en venant nous rendre visite, malgré les multiples et pressantes occupations qui animent votre périple à travers les colonies françaises. Je salue respectueusement à vos côtés Madame GODART qui a bien voulu venir favoriser ces lieux ausières de sa présence souriante et attentive, geste compréhensif de la femme française qui a toujours, dans ce pays, ajouté à son charme et à sa distinction. Je remercie avec la même déférence les hautes personnalités qui accompagnent notre éminent visiteur, marquant par là l'intérêt qu'elles ont toujours porté à notre œuvre de rénovation bouddhique qui doit d'ailleurs à leur appui d'avoir vu le jour et de prospérer; l'hommage de notre

reconnaissance se serait adressé publiquement et de façon particulière à notre Excellent Président d'Honneur, Monsieur SOGNY, si nous ne craignions d'effaroucher sa modestie habituelle, et s'il n'était pas déjà des nôtres, étant notre ami de la toute première heure.

Si votre visite, Monsieur le Ministre Délégué, nous touche infiniment, elle ne nous surprend pas, puisque nous connaissons votre vaste sympathie et votre désir de vous informer aux sources mêmes des différentes formes d'activité du pays. Mais, tout au moins pour l'opinion commune, il serait curieux, sinon piquant, que le Ministre Délégué du Front Populaire français auprès des masses laborieuses, ait greffé à son programme déjà chargé d'enquête sociale, cette visite à une société religieuse, regardée, — à tort, croyons-nous, — comme une vaste entreprise d'universel désintérêt et de non-action. Ne dit-on pas couramment que le bouddhisme enseigne le renoncement aux affaires de ce monde, qu'il distille le pessimisme dans tous les coeurs, et la société qui en organise la prédication n'apparaît-elle pas comme coupable d'un crime de lèse-humanité, pour reprendre les termes d'un écrivain conservateur d'un des plus grands musées parisiens? Ne nous reproche-t-on pas parfois de vouloir engourdir les âmes dans la méditation au milieu de la lutte générale, et peut-être y aurait-il quelque anachronisme à ce que des mains se joignent pour la prière à l'heure où les bras sont tendus pour de justes revendications.

En vous retraçant l'œuvre de la Société bouddhique de l'Annam, Monsieur le Ministre Délégué, il ne serait peut être pas entièrement inopportun de dire en quelques mots les fondements essentiels de la doctrine dont elle se réclame, et de dissiper par là même les malentendus qui ont motivé bien des hésitations, écarté de notre rayon d'action un certain nombre de sympathies. J'espère enfin par ce bref exposé pouvoir vous montrer combien, par delà les différences d'ordre pratique et doctrinal, par delà les contingences superficielles, l'idéal bouddhique rejoue et paracheve la pensée sociale française.

Vous savez que les Annamites, au point de vue bouddhique, relèvent d'un système philosophique et religieux, le Mahayana ou Grand Véhicule qui leur vient de l'Inde par la voie du Nord, par opposition au Hynayana ou

Petit Véhicule, particulier au pays d'influence indienne. Si ces deux systèmes sont d'accord sur les prédictats fondamentaux de la doctrine, en particulier sur la Douleur, ce qui veut dire avant tout les insuffisances et les limitations de la condition humaine (*Nhou-thura*), sur l'identité foncière de tous les êtres, sur la nécessité de la « Délivrance » c'est-à-dire le besoin et l'utilité pour chacun de se libérer de ces insuffisances, de ces limitations, en somme du relatif pour accéder au stade bouddhique, c'est-à-dire pour se confondre dans le cœur de Bouddha, le Phât-tâm ou ekacitta, ce qui représente l'Absolu; si ces deux systèmes sont d'accord, disions-nous, sur les postulats essentiels de la philosophie bouddhique, ils se séparent quant aux modes d'action à suivre. En effet, en face de l'identité foncière des êtres et de la possibilité pour chacun de se libérer, deux voies peuvent se présenter. Ou bien l'individu se résorbe, s'absorbe, par le recueillement et la contemplation, dans le Grand sein de Bouddha où l'Absolu lui est donné; ou bien, il peut, par l'amour universel et la charité totale, disperser son moi dans les êtres et les choses, et par ce moyen même, arriver à se fondre dans le Cœur bouddhique. Le premier mode c'est celui du Hynayana; le deuxième, c'est celui du Mabayana. J'ai ramené à leurs plus grandes lignes les deux principales formes du bouddhisme pour mieux faire ressortir les différences essentielles qui les séparent; étant donné la témérité ou tout au moins la difficulté qu'il y a à enfermer en quelques phrases des doctrines aussi vastes, aussi touffues et aussi subtiles que celles du bouddhisme, je m'excuse de ce que ce bref exposé peut présenter de schématique et de forcément incomplet. Je crois néanmoins avoir esquissé les deux « visages » de la grande religion asiatique. Presque tous les ouvrages européens qui traitent du bouddhisme se préoccupent davantage du Petit Véhicule qu'il regarde comme l'enseignement orthodoxe du Maître et négligent le Grand Véhicule qu'ils considèrent comme une doctrine superfétatoire ou comme un démarquage savant et ingénieux du Hynayana. C'est cette erreur qui est à la base de beaucoup de malentendus. Se fondant sur les dogmes du Petit Véhicule, mieux approprié peut-être, à d'autres climats à d'autres races, on reproche au bouddhisme ses théories négatives et son inadaptation au monde moderne. Or, il est facile de comprendre par ce que nous venons d'exposer que le

bouddhisme pratiqué en ce pays doit en fait consister en pratique positive et sociale. La Délivrance étant dans l'amour et la charité universels même, le bouddhiste mahayaniste ne conçoit rien de supérieur à l'acte bon qui le porte vers ses semblables, vers ces autres lui-même à tel point que pour lui bouddhisme est synonyme de charité. Dans notre soif d'Absolu, nous ne pouvons oublier ce monde du Relatif où se débattent les êtres dans l'incompréhension réciproque, dans leur tristesse et dans leur douleur. Entendue dans le sens bouddhique, la tolérance n'est pas une concession parfois dédaigneuse, une manière de procédé de bon voisinage à pratiquer à l'égard des autres religions; c'est un des dogmes du salut même. Toutes vies étant les pulsations d'un même cœur, le cœur de Bouddha dont nous participons, toutes les souffrances, toutes les misères sont nôtres, comme sont nôtres toutes les Incarnations sur terre de la Charité et de la Miséricorde. L'évolution des idées a conduit la conscience humaine à répudier de nos jours une notion de la Charité qui n'est qu'un luxe du cœur et d'après laquelle le don et l'aide au prochain ne seraient que de volontaires libéralités. La conscience moderne y substitue le principe d'une solidarité universelle, principe plus juste et qui abat les barrières qui peuvent séparer le bienfaiteur et l'obligé. Qui concevrait mieux que le Bouddhiste l'amour du prochain dans son sens moderne, puisque pour lui tous les êtres sont égaux dans le sein de Bouddha et que pour lui la charité doit être une mission naturelle à chacun sur terre?

Comme son nom l'indique, le Grand Véhicule est donc par excellence la religion des masses. Tous ceux pour qui l'humanité n'est pas un vain mot peuvent y puiser un idéal de pitié et de douceur que, dans mes études impartiales et objectives, je déclare n'avoir trouvé à un aussi haut degré dans aucune morale, dans aucune autre religion. Si peut-être le bouddhisme ne forme pas tout le fond de l'âme annamite, il lui donne tout au moins sa coloration particulière très visible dans la douceur, dans la pitié, dans la tolérance du peuple d'Annam ainsi que vous avez pu vous en rendre compte au cours de vos tournées.

Monsieur le Ministre Déqué, Mesdames, Messieurs, comment un pareil idéal n'impose-t-il pas l'Action, mais l'action ayant pour base et pour but la bonté, mais l'action humaine, l'action sympathique avec ce que ce

mot pris dans son sens étymologique présente de plus puissant et de plus réel. C'est avec cette pensée que les œuvres bouddhiques en Annam, dans leur très modeste rayon, se flattent d'être un prolongement lointain et obscure de la politique de relèvement en faveur des masses laborieuses que poursuit le Gouvernement du Front Populaire et que vous représentez parmi nous si noblement, si généreusement.

L'application sur le terrain pratique d'une doctrine religieuse telle que celle du Mahayana suppose de vastes et puissants moyens que nous ne nous flattions pas de posséder. J'aurai l'honneur tout à l'heure de vous présenter notre organisation dans le détail et plus particulièrement l'Ecole des Bonzés qui entretient et éduque en ce moment une cinquantaine de pensionnaires. Qu'il me soit donné seulement le plaisir de vous présenter Son Excellence Nguyen-Dinh-Hoe, notre très sympathique Président qui vient de succéder à Son Excellence Nguyen-Khoa-Tan, Ministres de la Cour d'Annam en retraite. Nous avons également à signaler à votre haute attention, le Rédacteur en Chef du Vién-Am (La voix Parfaite) organe de propagande et de ralliement de la Société, — un esprit fervent doublé d'un erudit, un animateur de tout premier ordre autour duquel se sont groupées depuis bientôt six ans toutes les bonnes volontés acquises au Bouddhisme par tendance, par culture ou par tradition de famille : j'ai nommé mon vieil ami, le Médecin Lé-Dinh-lham.

En vous présentant notre groupement, je manquerais à un devoir si je ne disais l'appui bienveillant que nous ont accordé la Cour d'Annam et Messieurs les Résidents Supérieurs CHATEL et GRAFFEUIL et leur successeur Monsieur GUILLEMAIN que nous sommes heureux de trouver présent à vos côtés.

Enfin, nous est-il permis d'adresser une pensée reconnaissante, Monsieur le Ministre, au Gouvernement du Front Populaire qui vous a Délégué auprès des Annamites pour les voir vivre et travailler et pour recueillir leurs vœux ou leurs doléances. Nous n'en avons pas à formuler, quant à nous ; mais il est doux, il est réconfortant pour nous, alors que le monde traverse des heures d'angoisse, de constater que des hommes, malgré la diversité de leur inspiration et de leurs charges, se donnent la main pour des œuvres sociales et que l'un des plus représentatifs d'entre ces hommes vient pencher un moment son attention généreuse sur ses frères en la bonté et en la justice.

# DIỄN - DÀN

Bài diễn-văn của ông Lý-xuân-Hòa, thư ký của chi Hội Đà-năng trong dịp lễ khánh thành chi hội

## Nam-Mô A-Đi-Đà-Phật

Nay nhơn dịp lễ Lạc-thành chùa Hội-quán Chi-Hội Đà-Năng của An-Nam Phật-Học-Hội, các ngài thiện-tri-thức quá yêu tôi muốn tôi ra hầu chuyện quý ngài, diễn giảng một thời về mục đích của Hội; Phấn tôi, tuy vi đạo tâm nên không lẽ từ chối, song tôi tự xét sức học còn sơ thiều đường tu còn non nớt lại mới lên diễn đàn lần đầu, rất lấy làm bợ ngự và cảm động, vậy có chỗ nào sai lầm, xin các ngài hoan-hỉ tha thứ và chỉ giáo lại cho, tôi xin thành tâm cảm tạ.

Thưa các ngài, đạo Phật truyền qua xứ ta đã lâu đời, cứ như hiện-trạng mà nói thì làng nào cũng có chùa thờ Phật, đàm nào cũng có thầy tụng kinh trì niệm, thế là người trong xứ ta phần nhiều khi mới lọt lòng đã là người đạo Phật rồi, lẽ ra không cần thiết gì phải tổ-chức những hội Phật-Học

Cái hiện trạng vẫn thế, nhưng nếu chúng ta đem cái hiện trạng ấy mà so sánh lại với một trăm năm về trước, thì chúng ta sẽ rõ rằng sự tin ngưỡng đạo Phật của dân-tộc xứ ta đã bước lui một bước khá dài, đã bước lui một cách rất mau chóng, mau chóng cho đến nỗi, nếu tin-dồ đạo Phật không tìm phương bồ cứu thì một ngày kia đạo Phật sẽ không đứng vững ở xứ ta được nữa.

Vì sao mà sự tin-ngưỡng đạo Phật lại bước lui một cách mau chóng như vậy?

Hoặc là vì nhơn-duyên của Phật đối với người xứ ta suy kém rồi chăng? — Thưa không, không phải, người xứ ta, dẫu về hạng nào đối với Phật cũng giữ một lòng kính mến rất tha thiết. Mỗi khi làm chùa, đúc tượng hoặc đến ngày lề vía lớn, chúng ta thường thấy những tín đồ chen nhau đi lễ vái cúng dường, nhơn-duyên như vậy đâu phải là suy kém.

Hay là vì giáo-lý của Phật không rõ ráo chăng ?

Thưa không, cũng không phải, Phật là một bức đã chứng rõ cái thể-tánh chơn-thiệt của muôn sự muôn vật, đã xét rõ tâm-niệm của tất cả chúng sanh, tùy theo căn-cơ mà dạy vẽ chỗ hư chỗ thiệt, chỗ chánh chỗ tà, biện luận rõ ràng lý-nghĩa đúng-dắn, cõi nào cũng phân biệt rạch ròi, thiệt không có giáo-lý gì mà rõ ráo hơn được nữa. Trong lúc Phật xuất-thể, các ngoại-đạo rất thanh - hành bên Áu - Độ lâm ngoại-đạo lý nghĩa cũng đã cao - siêu mà còn bị hàng phục thay, huống nữa là các triết - học, các giáo lý hiện - thời. Phật là một vị giáo-chủ « độc nhứt vô nhị » đã dạy cho các tì-kết chǐ tin những đều mà sau khi luận-lý rạch ròi, tự minh nhận rõ là đúng đắn; nếu giáo - lý của Phật không rõ ráo thì chỉ bắt tin càng theo lời đã nói, chờ đâu lại dạy phai luận-lý, trước khi tin-ngưởng.

Hay là giáo-pháp của Phật không hiệp thời chăng ?

Thưa không, cũng không phải, đức Phật Thích - Ca xuất hiện ra đời là cốt để chỉ vẽ cho chúng sanh tu tập dặng chứng bốn đức « thường, lạc, ngã, tịnh » của chư Phật; Thường là thường còn không thay không đổi; Lạc là an vui không có các sự khò-não; Ngã là tự-tại không có các sự trở - ngại; Tịnh là trong sạch, như - như bình-dặng, không có các sự ô-nhiêm, các sự sai lầm. Hiện nay chúng ta ai cũng muốn tránh sự vô-thường, tránh sự khò-não, tránh sự không tự-tại, tránh sự ô-nhiêm sai lầm, thì giáo-lý của Phật quyết định là thích hợp với tâm - trí của chúng ta vậy.

Chúng ta thử nghĩ, trong một đời chúng ta, ngày tháng thời đưa, sao đời vật đổi, trước những cảnh-tượng từ biệt sanh ly, tang dien thương hối, ai cũng muốn mạnh mà lâm khi phải đau, ai cũng muốn trẻ mà mồi ngày mồi thấy già thêm, những vườn ruộng tốt tươi bỗng chốc dà hóa ra khô héo, những bạn bè thân thiết phút chốc dà phải chia tay, đối với cái cảnh vô-thường của thế gian, ai lại không sanh lòng căm nỗi và ai lại chẳng

muốn tìm phương bồ-cứu. Lại chúng ta sa h ra giữa đời, sống khổ về phần sống, già khổ về phần già, đau khổ về phần đau, chết khổ về phần chết, chịu trăm ngàn vạn sự khổ nó làm cho trong một thế-giới chua chát đả tim được một người dám tự nhận mình là hoàn toàn sung sướng. Vậy ai là người có trí-giác lại không muốn tránh các sự khổ và hưởng được một sự an vui lâu dài vững chắc. Lại chúng ta sah ra ở đời, ai lai chẳng muốn tự-tại làm theo ý muốn, ngặt vì trí-muốn của mình với trí-muốn của kẻ khác thường trái ngược nhau, nên dầu ở thời-đại nào cũng không ai là được hoàn toàn tự-tại. Cánh đối với cái thân mình đây, cái thân mà mình có thể gọi là của riêng mình mà đến khi nó yếu, mình không thể bắt nó mạnh, đến khi nó đau mình không thể bắt nó lành, đến khi nó mệt mình không thể bắt nó khoẻ, đến khi nó già mình không thể bắt nó trẻ lại, thiêt không tự-tại chút nào. Huống chi cách một lớp vải thì chúng ta thấy đả không rõ, cách một con sông thì chúng ta nghe đả không thiêt, chúng ta muốn nhớ mà vẫn quên, muốn khéo mà vẫn vụng, muốn thông-háu mà vẫn dốt nát, muốn vui vẻ mà vẫn lo buồn, muốn mạnh dạn mà vẫn e sợ, muốn yên lặng mà vọng-niệm vẫn sói nổi trong tâm-trí, thiêt không có chi đáng gọi là tự-tại. Lại chúng ta ở đời ai cũng muốn làm quân-tử mà lầm khi hóa thành tiều-nhơn, ai cũng muốn làm người nhơn-đức mà lầm khi trở thành gian ác, cho đến những điều biết là quấy mà cũng cứ làm, biết là sai mà cũng không bỏ nỗi, gấp sắc nbiếm theo sắc, gấp thanh nbiếm theo thanh, có chi đâu đáng gọi là thanh-tịnh.

Tuy chúng ta hiện nay mặc phải cái vô-thường, cái khổ não, cái không tự-tại, cái không thanh-tịnh, nhưng mặc như vậy nào phải là ý muốn của chúng ta, chỉ vì chúng ta xưa nay không tham-học những phương-pháp để dứt trừ các cái ấy, không đủ chí-khi quyết định tu tập theo các phương-pháp đó, nên phải chịu chi-phối

của các sự khờ-não sai lầm ấy thôi. Vậy nếu chúng ta biết được cái phương-pháp để trừ những cái vô thường, những cái khờ-não, những cái không tự-tại, những cái không trong sạch, thì ai lại chẳng muốn tu tập theo để cho được tự-tại giải thoát. Cái phương pháp làm cho người đời được tự-tại giải thoát nghĩa là được hạnh Phúc hoàn toàn đó, chính là giáo pháp của Phật.

Giáo-pháp của Phật đã đủ sức đao-tao hạnh-phúc hoàn-toàn cho nhơn-loại như vậy, le ra thi đời nào đời nào, sự tín-ngưỡng đối với giáo-pháp của Phật cũng phả; càng ngày càng thêm, mà vì sao trong xứ ta, sự tín-ngưỡng Phật-pháp lại có phần kém sút thua một trăm năm về trước? Thưa, sự kém sút ấy, theo thiền-ý của tôi là vì hai duyên cớ.

a) Thứ nhất là vì trong Tăng-già thiếu kẻ trụ-tri Phật pháp.-Vẫn biết ngày nay ứng-thân của Phật là đức Thích-Ca Mâu-Ni nhập-diệt đã lâu rồi, song Phật đã chứng được thê-tánh như-như bình-đẳng bất sanh bất diệt, vẫn tùy theo cơ-cảm của chúng sanh mà ứng-hiện hóa-dộ, vẫn thường thường hộ-niệm cho tất cả chúng sanh, tuy hiện nay chúng ta, con mắt thịt không thấy được, trí phân biệt không thấu được, nhưng đến khi đường tu hành của chúng ta đã thâm nhập rồi thì quyết định sẽ cảm-thông đến chư Phật. Còn về giáo-pháp của Phật thi hiện còn đủ ba tang kinh điền kinh lang chỉ bài chánh pháp, luật tang phân biệt chon vong, luật-lang ngăn ngừa các sự lỗi lầm, ai muốn học đến chứng nào cũng có thê đủ kinh điền mà học, ai muốn tu pháp-môn nào cũng có thê biết đường lối mà tu, pháp-lang ở xứ ta tuy không nhiều bằng bên Tây-Tang, bên Tàu vẫn vẫn, nhưng cũng đủ cho tín-đồ tham học. Song muốn cảm-thông đến Phật, muốn tham-học Phật-pháp, loài người cần phải có những bức chuyên-môn về Phật-pháp đặc diu chỉ về mới được; những bức

đó chính là Tăng-bảo của đạo Phật. Khi Phật nhập-diệt, Phật phú chúc cho các hàng đệ-tử phải truyền bá Phật-pháp, hóa độ chúng sanh, vậy cái trách-nhiệm hoằng-pháp lợi-sanh là cái trách-nhiệm của Tăng-bảo đạo Phật. Trong Tăng-già mà gánh được cái trách-nhiệm ấy tức là trụ-tri Phật-pháp. Muốn trụ-tri Phật-pháp, trong Tăng-Già cần phải tham-học Phật-pháp và thiêt-hành Phật-pháp.

1) *Tham-học Phật-pháp*. — Nghĩa là tham-cứu giáo-pháp của Phật. Chúng ta thường thấy ở giữa đời, ông thầy về văn-chương, tất nhiên trước cũng phải chuyên học về văn-chương, ông thầy về vật-lý trước tất cũng phải chuyên học về vật-lý, hễ làm ông thầy dạy về sự gì thì trước hết mình cũng phải gắng công tham-học cho đến nơi đến chốn. Vậy ông thầy về Phật-pháp tất phải tham-học Phật-pháp, lại phải tham-học cho rốt ráo, mới đủ sức dạy về mọi người về Phật pháp. Song nếu ông thầy tham học Phật-pháp mà không thiêt-hành Phật-pháp thì có khác chi một ông thầy dạy học trò phải kinh mến cha mẹ mà chính ông là người bắt biếu, phỏng còn có ai chịu nghe những lời dạy bảo. Vì vậy nên trong Tăng-già cần phải thiêt-hành Phật-pháp.

2) *Thiêt-hành Phật phái* nghĩa là thiêt-thiệt hành-dộng y như Phật-pháp. Muốn thiết thiêt hành-dộng y như Phật-pháp, ông thầy đạo Phật cần phải:

Xa lìa thế-tục, tri-trai giữ giới, dứt trừ mê chấp, tu đạo Bồ-Đề và hóa-độ chúng sanh.

<sup>18</sup> Thế nào là xa lìa thế-tục? Xa lìa thế-tục chẳng phải là ăn mình trong non xanh rừng rậm đâu, mà chính là ở trong thế-gian, xa lìa tất cả các thói tục sai lầm không đúng chơn-lý của thế-gian, nghĩa là: những thói rượu chè, cá thịt, phong-lưu nhàn hạ, những thói có vợ có con, tư-tâm ích-kỷ, những thói chia rẻ bỉ thurb, bòn chài của cãi, tạo đất tạo ruộng, tạo nhà tạo cửa, cầu danh cầu lợi, ưng tháp cho lớn, đám ma cho to, chửi triệu cho dài, khán

chế áo thùng cho đồng, cung cấp đồ quầy cho rầm rột, những thói tục ấy là những thói tục mê lầm của thế-gian, ông thầy cần phải lánh xa mới được.

Còn thế nào là trì-trai giữ giới? Trì-trai giữ giới là giữ gìn cho trong khi cù-tâm đồng-niệm, nhứt nhứt đều y như giới-luật của Phật. Vậy chẳng những ông thầy cần phải giữ cho thân-mình đứng-phạm những giới sát-sanh, trộm-cắp, dâm-dục, nói-dối, ăn-mặn, uống-rượu, vân-vân, hay hoặc giữ cho trong khi đi đứng nằm ngồi uy-nghi-tề chỉnh mà thôi đâu, ông thầy cần phải giữ tâm-niệm cho chơn-chánh, không-sát, không-đạo, không-dám, không-vọng và thường từ-bi-hỉ-xã, bình-dâng-bất-động mới được.

Còn thế nào là dứt-trừ-mê-chấp? Chúng sanh vì chấp-thiệt có-thân, thiêt có-cảnh, nên sanh ra những mòn-độc nào tham-muốn, nào giận-hờn, nào si-mê, nào kiêu-mạn, nó làm cho chúng sanh phải luân-hồi mãi mãi trong tam-giới. Ông thầy đạo Phật đã biết rõ những tâm-niệm như vậy là những tâm-niệm mê-chấp, thì phải quyết chí dứt-trừ những tâm-niệm ấy để cho khỏi các sự ràng buộc, nó làm ngán ngại cho đường tu giải-thoát.

Còn thế nào là tu-đạo Bồ-Đề? Bồ-Đề nghĩa là giác, đạo Bồ-Đề là đường tu cho đến chỗ đại-giác đại-ngộ của chư-Phật. Ông thầy tham-học Phật-pháp đã biết rõ tam-giới duy-tâm, vạn-pháp duy-thức, thì phải đem cái-tâm rỗng-suốt chơn-thật mà thiêt-hành tu theo đạo Phật, hằng ngày thiêt theo cái-tánh bình-dâng viễn-dung mà phát-quảng-đại Bồ-Đề-tâm, thực-hành cái chí-nguyễn độ sanh hoảng-pháp, dần-khổ nhọc cho đến đau đớn chết cũng không hờn-thắc.

Thế nào là hóa-độ chúng sanh? Ông thầy đã phát-quảng-đại Bồ-Đề-tâm như vậy thì tất-nhiên ông phải lấy sự-hoa-độ chúng sanh làm cái-mục-dịch độc nhứt vô-nhị của các sự-hành-động trong một đời-ông vậy. Hóa-nghĩa là giáo-hoa, độ-nghĩa là độ-thoát; chúng sanh lầm-lạc, ông

thầy cần phải giáo-hóa cho chúng sanh khỏi lầm lạc, chúng sanh tham-giả. Ông thầy cần phải giáo-hóa cho chúng sanh đừng tham giả, chúng sanh buồn bức ông thầy phải độ thoát chúng sanh khỏi buồn bức, chúng sanh đau khổ ông thầy phải độ-thoát chúng sanh khỏi đau khổ, ông thầy phải tùy theo căn-cơ mà hóa-độ chúng sanh; cả một đời, từ một lời ăn tiếng nói cho đến nhứt cử động đều vì mục-lịch hóa-độ chúng sanh chứ không có mục-đích khác thì mới thiệt là Tăng-bảo của đạo Phật.

Thưa các ngài, những bực Tăng-Già cần phải đủ các tư cách như trên mới có thể trụ-trí Phật-pháp, nhưng xem lại toàn-thể tăng-già trong xứ ta thì ai là người có lòng vì đạo cũng phải bùi ngùi, vì phần đông đã không biết bồn - phận lợi-sanh hoằng-pháp, đã không có chí lợi-sanh hoằng-pháp, mà thiệt ra cũng không mấy ai đủ sức gánh cái trách-nhiệm lợi-sanh hoằng-pháp: đối với các xứ khác thiệt đã muôn phần kém thiểu.

Tôi nói sự kém thiểu của toàn-hệ Tăng - già hiện thời trong xứ ta chẳng phải giám có ý chī-trich; tôi phải tả rõ cái hiện-trạng đặng liệu phương mà bồ-cứu đó thôi.

b) Song Tăng-già hiện thời trong xứ ta có cái hiện-trạng như vậy là vì tín-đồ Phật-giáo thiếu người hộ-trí chánh-pháp.

Hộ-trí chánh-pháp là bồn-phận của các nhà cù-sĩ, là một việc công đức vô-biên vô-lượng của các tín-đồ tại-gia. Đức Phật Toich-Ca trước khi nhập-diệt có phú-chúc cho quốc-vương đại-thão, trưởng-giả, cù-sĩ phải hộ-trí chánh-pháp, vì Phật đã dự biết rằng nếu không có người hộ-trí thì Tăng-già không thể trụ-trí chánh-pháp một cách viên-mẫn. Xét lại trong xứ ta thì tín-đồ tại-gia đã không còn mấy ai rõ thế nào là chánh-pháp nên cũng chẳng được bao lăm người phát-tâm hộ - trí chánh-pháp. Chúng ta thường thấy trong tín - đồ từ khi làm lễ qui-y lanh phái diệp rồi không hề phát-tâm học hỏi cho biết Phật là chi, Pháp là chi, Tăng là chi, cho đến không hề phát tâm tri một giới trong ngũ - giới. Trừ ra những

ngày lễ-lạc thì họ không bồ-biết đến chùa; trừ ra những khi mời thầy cúng cắp, kính lặng công đức ít nhiều thì họ không hề nhớ đến sự sanh-hoat của ông thầy đang chung nhau cùng đường cho khỏi thiêu thốn. Phầu nhiêu tin - đồ đã như vậy thời ông thầy làm sao dư dã được mà lo bồ ăn học, thảo nào ông không biết Phật-pháp, không hiểu Phật-pháp. Ông thầy đã không hiểu Phật-pháp, không biết Phật-pháp thì còn biết đường đâu mà tu tập, huống nữa là chỉ vĩnh cho ai, thảo nào họ không tranh dành trực lợi, chỉ mong chùa cho lớn, tháp cho cao, chỉ ước cho được cái danh Tăng-Cang, Hòa-thượng chứ chưa hề một ngày tu theo đạo giải-thoát của Phật.

Tăng-đồ đã không biết Phật-pháp thì tin-đồ còn biết học Phật-pháp với ai; mà tin-đồ đã không học Phật - pháp thì chỉ cho khỏi lầm Phật là một vì thần linh-hiền nên cúng cắp để cầu danh cầu phước và ưa thích những ông thầy tăng hay tụng giỏi, chờ không biết phật-tâm cung kính cúng đường những bực chơn-u tri-giới. Vì đó mà hiện nay chúng ta thấy cái quái trạng ông bày đắc-pháp mà không biết thế nào là Phật - pháp, ông thầy thọ-giới mà không biết thọ những giới gì, tin-đồ quy-y mà không biết thế nào là quy-y, tin-đồ thọ-giới mà chưa bồ giữ một giới trong năm giới: Ưu-Bà-Tắc.

Thưa các ngài, vì cái quái-trạng đó nên sự tin - ngưỡng đạo Phật xú ta đã bước lui một cách mau chóng trong khoảng 100 năm nay. Cõng ta là học trò Phật, đã nhận rõ Phật-pháp là thật-truth vô-thượng, đã tin chắc sự lợi - ích của Phật-pháp đối với đường tâ - hóa của tâm-trí loài-người, vây chúng ta cần phải chung lòng góp sức để dang lo liệu mà vẫn hồi mặt vận, trong các thầy thi gắng sức tu học mà duy-trí Phật-pháp, ngoài cư-sĩ cũng gắng sức tu học mà hộ-trì chánh-pháp để bồi bổ cái cơ-sở của đạo Phật ở trong xú ta vây.

Thưa các ngài, vì cái lòng bộ-trí Phật-pháp ấy nên các bực Tăng-già, các hàng Cư-ỉ mới đứng lên tò - chức An - Nam Phật-Học-Hội để dang chung trí mà tham-cứu Phật-lý, chung

lồng mà qui-ngưỡng Phật-pháp, chung sức mà hoảng-dương Phật-giáo, hầu ~~lòng~~ dào-tạo những bậc Tăng-già đủ tri-lực mà trù-trí Phật-pháp, những hạng cư-sĩ đủ tín-lực mà hộ-trì Phật-pháp về sau, sau xa nầy vậy.

Thể nào là tham-cứu Phật-lý? Tham-cứu Phật-lý là tham-học, nghiên-cứu giáo-lý của Phật. Phật là vị Pháp-vương, ngài tùy theo tâm-trí của chúng sanh mà thuyết pháp; trí-huệ như ông Xá-Lợi-Phất, ngu dốt như ông Bàn-Đặc-Ca, ngu dốt cho đến nỗi đọc một câu kệ bảy ngày cũng không thuộc, mà Phật cũng đều chỉ về tu tập cho thành chánh-quả cả; Vậy bắt luận người ít học, kẻ thông-tháí, ai ai cũng có thể tu học Phật-pháp. Giáo-lý của Phật rất thiết-thiệt, không có những sự bí-mật, không có những lời vò đoán; Phật chính nơi cảnh-giới hiện tại mà chỉ về đường tu, lý-luận đúng đắn, biện bạch rõ ràng, nên ai ai cũng có thể tùy theo tâm-trí của mình mà tu học Phật-pháp cả. Huống chi chúng ta là người đạo-Phật, lẻ đâu lại không học Phật-pháp để biết đường tu hành cho thành chánh-quả; vậy sự nghiên-cứu Phật-lý là một mục-dich rất quan-trọng của Hội Phật-Học. Lại hiện nay, phong-trào vật-chất văn-minh sôi nổi cả hoàn-cầu làm cho nhơn-loại phải chịu lâm đều tai hại, chính các nhà biền-triết bên Âu, Mỹ hiện cũng đương nghiên-cứu Phật-pháp để sửa đổi nhơn-lâm cho trong sạch chơn-chánh, bình-đẳng, hòa-ái, huống nữa chúng ta là người đạo-Phật, là học trò Phật, lại không tham-học cho biết rõ Phật-pháp hay sao? Phỏng một ngày kia, một nhà du-lịch Âu Mỹ đến hỏi một vị Tăng-cang xứ ta về Phật-pháp mà ông ấy không biết đường trả lời, thì đạo Phật ở xứ ta còn thể thống gì nữa.

Song lỗi nghiên-cứu giáo-lý của tín-dồ và Tăng-dồ có khác nhau. Tín-dồ thì chỉ tùy theo căn-cơ mà học tập, miếng cho phát được chánh-tín và biết đường tự tu tự độ là đủ; còn Tăng-dồ thì khác, Tăng-dồ là những ông thầy chuyên-môn về Phật-pháp, là ông thầy có trách-nhiệm hoảng-dương Phật-pháp, hóa-độ chúng sanh, nên cần phải

tham-học giáo-lý cho rõ ráo dè có thể chỉ dạy Phật-pháp cho mọi người mới được. Song tham-cứu giáo-lý đạo Phật cho rõ ráo không phải là dè, cần phải chuyên chí tham-học trong một thời-gian 15, 20 năm mới được. Trong cùi thời-gian ấy, ông thầy tham-học tất nhiên cần phải đủ đồ ăn thức mặc, nhà ở, cần phải đủ kinh sách để nghiên-cứu, cần phải đủ thuốc thang khi đau ốm, nghĩa là ông thầy cần phải nhờ tín-đắc cung cấp mới tham-học được. Vậy toàn-thể thi-đồ muôn có ông thầy đủ trí-lực trụ-trì Phật-pháp về sau thì cần phải chung sức bảo-bộ cúng đường các ông thầy chơn-lâm tham-học. Sự cúng đường các ông thầy tham-học là sáng tạo phước-diễn cho chúng sanh về tương-lai, công-đức thiệt vô-biền vô-lượng.

Còn thế nào là qui-ngưỡng Phật-pháp? Qui-ngưỡng Phật-pháp là qui-y tín-ngưỡng giáo-pháp của Phật. Hiệu nay xứ ta người đạo Phật ai cũng có qui-y, nhưng nếu không biết Phật là chi, Pháp là chi, Tăng là chi, thì sự qui-y đó chỉ có danh mà không thiệt. Phật là đức Phật của chánh pháp, Tăng là Tăng-già của chánh-pháp, vậy chúng ta cần phải học tập chánh-pháp, qui-y chánh pháp thời mới thiệt là qui-y Tam-Bảo. Muốn qui-y một cách chơn-thiết, chúng ta cần phải phát lòng tín-ngưỡng cho chơn-chánh, chúng ta tin Phật là bực đại-giác đại-ngộ, tự-lại giải-thoát, hoàn-toàn tất cả muôn hạnh muôn đức chờ không phải còn tham, còn giận, còn nhơ, còn ngả như các ông thầu, ông tiên, ông trời, ông thành của thế-gian; chúng ta tin Phật-pháp là những phuơng-pháp dề tu hành cho được giác-ngộ, được giải-thoát như Phật, chờ không phải những lối cầu phước cầu tài, những lối mê-tín tà-vọng. Chúng ta tin Tăng-bảo đạo Phật là những bực tri-trai giữ giới, hoằng-pháp độ-sanh chờ không phải những kẻ ăn thịt uống rượu, cầu danh cầu lợi. Đã phát lòng qui-ngưỡng Phật-pháp như vậy thì Tăng-đồ và tin đồ cần phải thiêt-hành theo giới-luật, thiêt-hành theo Phật-pháp, người ít học thì gắng mà học, người chưa tu thì gắng mà tu, dè nêu cái gương giải-

thoát, cài gương chánh tín cho toàn-thể nhơn-loại. vậy qui-ngưỡng Phật-pháp cũng là một mục-dịch rất trọng yếu của Ar-Nam Phật-Học Hội.

Còn thê nào là hoảng-dương Phật-giáo? Hoảng-dương Phật-giáo là tuyên-truyền giáo-pháp của Phật kháp mọi nơi, đề cho ai ai cũng đều rõ biết thê nào là Phật-pháp và không nhận lầm Phật-pháp với ngoại-đạo. Chúng ta thử nghĩ, chúng ta đã nhận sự lợi-ich của Phật-pháp đối với nhơn-loại, đã tham-cứu Phật-lý, quy-ngưỡng Phật-pháp rồi chúng ta nở giữ riêng chánh-pháp về phần mình mà không chịu truyền-bá cho ai ai cũng đến hiểu được chánh-pháp. Vậy ta cần phải dịch kinh, diễn nghĩa, giảng thuyết về phật-pháp, xuất-bản các bá-c-chi để tuyên-truyền chánh-pháp; nhưng đó cũng chỉ là những bước tối-liên trong sự hoảng-pháp mà thôi; về sau, Tăng - đồ và tín đồ đeo đuổi mục-dịch của Hội Phật-Học càng ngày càng đông, thì lại còn có thê mờ mang những công cuộc hoảng-pháp thêm lần, không những chỉ hoảng-pháp về mặt lý-thuyết. Vậy hoảng-dương Phật-pháp cũng là một mục-dịch rất trọng yếu của Hội Phật-Học.

Thưa các ngài, theo thiền kiến của tôi, Hội Phật-Học có ba mục-dịch như vậy, song muốn cho các mục-dịch khỏi sự sai-lầm, chúng ta cần phải đề tâm lực chọn thê nào là Phật-pháp và thê nào là không phải Phật-pháp. Thưa các ngài, Phật-pháp là pháp rất chơn chánh; chơn thì không vọng, chánh thì không tà; vậy những sự đối giả, những thuyết không đủ lý nghĩa quyết định không phải là Phật-pháp. Các ngài chỉ xét sự hành v chì hỏi về lý nghĩa thì đủ biết thê nào là chánh, thê nào là tà, thê nào là chơn, thê nào là vọng.

Thưa các ngài, Hội An-nam Phật-học chúng tôi đã có ba cái mục-dịch như trên lại hết lòng lựa chọn cho biết chánh-pháp của Phật, nên đến khi các mục-dịch ấy

đều được hiệu-quả viên-mẫn thi-dạo Phật trong xứ ta  
chắc sẽ đủ bực Tăng-già có tri-lực trú trì Phật-pháp, sẽ  
đủ hàng Cư-sĩ có tia-lực hộ-trì Phật-pháp; như vậy mới  
có thể chấn-hưng Phật-học ở xứ ta, mới có thể thiết-  
hiệu chơn-tinh-thần của đạo Phật ở xứ ta và mới khôi  
phụ công đức của đức Thích-Ca từ-phụ vậy.

Thưa các ngài, mục-dịch của An-nam Phật-học Hội  
chúng tôi là vậy, nếu các ngài không cho mục-dịch ấy  
là sai lầm thì xin các ngài hãy gắng giúp đỡ chúng  
tôi cho mau đạt đến mục-dịch và cùng chúng tôi liên-  
hiệp một nhà dặng chung trí mà tham-cứu Phật-lý,  
chung lòng mà qui-ngưỡng Poật-pháp, chung sức mà  
hoảng-dương Phật-giáo, hầu mong cùng tất cả chúng  
sanh đồng thành Phật-dạo.



# Chơn - tăng - Già luận

(Tiếp theo)

## 2. Từng bực

Vẫn biết cái tinh-thần bình-đẳng của đạo Phật cần phải thiêt hiện trong đoàn-thề Tăng-Già, song muốn đạt đến cái tinh-thần bình-đẳng ấy, thì ngoài các sự ăn mặc, cư-xử, trong Tăng-chúng cần phải theo chỗ học chỗ tu mà chia ra từng bực, để cho các bực đạo-đức cầm giềng mỗi trong chúng, thì trong chúng mới được nhiều lợi-ích trên con đường tu học. Vậy trong Tăng-chúng cần phải chia ra 6 bực, gồm có 10 chủng như sau này:

A) *Dự-nhập-tăng*. Dự-nhập-tăng gồm cả các người mới nhập chúng, không luân tuổi lớn tuổi nhỏ, có ở chùa hay không ở chùa, có học-thức hay không học-thức. Dự-nhập-tăng cần phải lập giữ qui-tắc của chúng và học các công-khoa hằng ngày. Ngoài sự học lập ấy, những người ít chữ thi học thêm chữ nghĩa; những người có học-thức thi các vị Trù-trí có thể cho phép dự nghe trong các lớp, hoặc tham-cửu kinh-diễn. Người nào cũng phải liệt vào Dự-nhập-tăng ít nữa là hai năm rồi mới có thể được phép nhập-cửung. Về sự cho phép nhập-chứng thi do các vị Trù-trí hiệp-dồng với Tăng-chứng Tượng-Tọa mà định-doan. Khi được nhập-chứng rồi thời các vị Trù-Trí hiệp-dồng với Tăng-chứng Tượng-Tọa, tùy theo công-hạnh mà cho lên các bậc sự-tăng, từ Tập-sự-tăng cho đến Kiem-sự-tăng; hoặc tuy theo học-lực mà cho thi naca lên các lớp nọc-tăng, từ Tập-học-tăng cho đến tham-học-tăng (về bực Hoằng-noa-tăng thì ít nữa cũng phải liệt vào bực Tuam-nọc-tăng dù 5 năm mới được ứng-tin). Nếu học-lực còn kém và công-hạnh chưa được bao lăm thì phải liệt vào hạng Dự-học-tăng, từ đệ-ahurt-niên cho đến đệ-tam-niên, do các vị Trù-trí định-liệu,

B) *Dự-học-tăng*.— Dự-học-tăng, từ khi bắt đầu nhập học cho đến khi được thi tốt-nghệ, phải học 4 năm, về các cách sơ-dâng phật học, về giới luật sa-di, về các kinh của Tiêu-thừa và của tịnh độ tăng từ đệ-nhất-niên cho đến đệ-tứ-niên. Học-sanh đệ-tứ-niên thi đỗ tốt-nghệ thi lên lớp Tập-học-tăng; nếu thi luôn ba năm không đỗ thì phải liệt vào hàng Tập-sư-tăng.

C) *Tập-hạnh-tăng*.— Tập-hạnh-tăng gồm có hai chủng là Tập-sư-tăng và Tập-học-tăng.

1) *Tập-sư-tăng*.— Tập-sư-tăng gồm những người không thi đỗ được tốt-nghệ về hàng Dự-học-tăng. Tập-sư-tăng phải lo tập làm các công việc trong chúng để giúp đỡ cho sự tu học. Từ 20 tuổi sắp lên, Tập-sư-tăng được thọ Sa-Di-giới; một người trong Tập-sư-tăng đã 30 tuổi, làm công việc trong Tăng-chúng đủ mươi năm không phạm lỗi nặng thì được thọ Tỉ-Kheo-giới và được lên bực Sư-Vụ-tăng.

2) *Tập-học-tăng*.— Dự-học-tăng thi đỗ tốt-nghệ thì được lên lớp Tập-học-tăng, ngang với hàng Tập-sư-tăng. Tập-học-tăng đều được thọ giới Sa-Di, không kể tuổi lớn nhỏ. Tập-học-tăng học các luận Tiêu-thừa và các kinh luận về Pháp-ánh Không-huệ-lòn từ đệ-nhất-niên cho đến đệ-tam-niên. Học-sanh đệ-tam-niên thi đậu tốt-nghệ lên lớp Chánh-học-tăng; nếu thi ba lần không đậu thì phải liệt vào hàng Sư-vụ-tăng.

D) *Cần-hạnh-tăng*.— Cần-hạnh-tăng gồm có hai chủng là Sư-vụ-tăng và Chánh-học-tăng.

1) *Sư-vụ-tăng*.— Sư vụ tăng là các bực đã có thể làm công việc trong chúng một cách hẫu-hồi đúng-dâng. Sư-vụ-tăng 25 tuổi sắp lên thi được thọ Tỉ-Kheo-giới. Sư-vụ-tăng làm việc trong chúng đủ 10 năm lại tuổi đã 35, thì được thọ Bồ-Tát Giới và được liệt vào hàng Kiêm-sư-tăng.

2) *Chánh-học-tăng*.— Tập-học-tăng thi đậu tốt-nghệ thi liền được lên lớp Chánh-học-tăng. Chánh-học-tăng từ 20 tuổi sắp lên đều được thọ Tỉ-Kheo-giới, Chánh-học

tăng học các kinh điển về Luật-tôn, về Pháp-tướng Duy-Thúc-tôn, về chơn-như cự-đức-tôn, từ đệ nhất-niên cho đến đệ-tam-niên, đến khi thi đậu tốt-nghịệp thì được lên bực Tham-học-tăng. Nếu thi ba lần không đậu thi liệt vào hàng Kiêm-sự-tăng.

E) *Tịnh-hạnh-tăng*. — Tịnh-hạnh-tăng gồm có hai chủng là Kiêm-sự-tăng và Tham-học-tăng.

1) *Kiêm-sự-tăng*. — Kiêm-sự tăng là những bực có thể lãnh-chức-vụ xem xét các việc trong chúng. Kiêm-sự-tăng từ 30 tuổi sắp lên, được thọ Bồ-tát-giới. Những người đã 50 tuổi và đã ở trong hàng Kiêm-sự-tăng đủ 20 năm không phạm qui-giới nặng, thi được lên bực Đức-hạnh-tăng.

2) *Tham-học-tăng*. — Tham-học-tăng là những bực Chánh-học-tăng đã thi đỗ tốt-nghịệp. Tham-học-tăng từ 20 tuổi sắp lên đều được thọ Bồ-tát-giới. Sau 5 năm tham-thuyền nghiêm-cứu, Tham-học-tăng được thi lên bực Hoằng-hoa-tăng, mỗi 2 năm được thi một lần; nếu thi luôn bốn lần không đỗ thi sau một năm bế quan chuyên tu, cũng được lên bực Đức-hạnh-tăng.

F) *Thượng-lợa-tăng*. — Thượng-lợa-tăng gồm có hai chủng là Đức-hạnh-tăng và Hoằng-hoa-tăng.

1) *Đức-hạnh-tăng*. — Đức-hạnh-tăng là những bực đã dày công tu tập, có thể lấy sự kinh-nghiệm mà chỉ về đường tu cho Tăng-chúng. Những hàng ít học nhưng công hạnh đã nhiều, cũng phải nhập chúng đủ 20 năm mới được lên bực Đức-hạnh-tăng.

2) *Hoằng-hoa-tăng*. — Hoằng-hoa-tăng là những bực Pháp-sư thông-suối ba lạng kinh diệu, dù sức phuơng-tiện dạy vể cao mọi người. Đức-hạnh-tăng và Hoằng-hoa-tăng đều đồng một bực Thượng-lợa-tăng, tùy theo người jeden trước kẻ sau mà phân ngôi lớn nhỏ. Ngoài Tham-học-tăng, những người nhập chúng hơn 10 năm rồi đều được phép xin thi lên Hoằng-hoa-tăng, nếu thi 2 lần không đậu thi không được thi nữa.

### III. — CHỨC - VỤ

Toàn-thể Đại-chúng ở dưới mảng linh của một ban Trù-trì gồm có ba vị, do các Tăng-chúng Thượng-Tọa, Tịnh-Hạnh và Cầu-hạnh thường năm công-cử trong các vị Thượng-Tọa (nếu trong chúng chưa có Thượng-Tọa-tăng thì được tạm cử trong Tịnh-Hạnh-tăng) Ba vị là :

1) Một vị Thống-Lý để coi cả mọi việc trong Tăng-chúng. Vị này đến khi hết hạn 1 năm rồi thì không được liền bầu lại nguyên chức trong năm sau, song có thể được bầu làm vị Trí-Pháp hay vị Giám-Sư.

2) Vị Trí-Pháp. — Vị này giúp vị Thống-Lý để xem xét sự tu hành, học tập của chúng. Vị này được tái-cử mãi mãi.

3) Vị Giám-Sư. — Vị Giám-Sư giúp vị Thống-Lý để xem xét trật-tự và các sự-vụ trong chúng. Vị này cũng được tái-cử;

Ban Trù-trì có quyền lựa các người trong chúng để lãnh các chức-trách, song những chức-trách trọng-yếu đều phải giao cho các bực Thượng-Tọa-tăng và Tịnh-Hạnh-tăng. Khi nào có việc quan-hệ thì ban Trù-trì phải hiệp đồng với Thượng-Tọa-tăng mà bàn định. Hiệu lệnh trong chúng đều do nơi vị Thống-Lý cả, song trước khi ra hiệu-lệnh, vị Thống-Lý cần phai bàn với các vị trong ban Trù-trì hoặc với Tăng-chúng Thượng-Tọa. Nếu vị Thống-Lý tự phát hiệu lệnh theo ý-kiện của mình, dầu đại-đa-số trong ban Trù-trì và trong Tăng-chúng Thượng-Tọa không ưng thuận, thì vị ấy phải phạm vào điều nặng «hủy báng qui tắc». Song vị Thống-Lý không ưng làm việc gì thi co quyền bỏ qua, dầu ban Trù-trì và Tăng-chúng Thượng-Tọa đã thuận định.

Khi các vị Trù-trì phạm qui-diều hơi nặng hoặc qui-diều nhẹ, thi chỉ sám-hối trước bàn Phật. Nếu phạm qui-diều nặng thi sau khi Tăng-chúng Thượng-Tọa hiệp-

đồng xét đoán nhận rõ là đã phạm rồi, vì ấy phải bị giải chức liền đề lãnh sự trưởng phật theo qui-tắc. Nếu có vị Trù-trí hoặc vị bình hoạn, hoặc vị hủy phật phải giải chức, hoặc là có vị viễn-lịch hay bị tần xuất, thì các vị Trù-trí khác phải tụ tập Tăng-chứng Tượng-Tọa và Tăng-chứng Tịnh-Hạnh công cử một vị mới để thế chức. Chức vụ của vị này mẫn hạn một lần với ban Trù-trí năm ấy.

#### IV. — Lệ công cử

Mỗi năm trong tháng chạp, cả Đại-chứng gồm các bực Thượng-Tọa-tăng, Tịnh-Hạnh-tăng và Cần-Hạnh-tăng nhóm đồng đủ một lần mà xem xét sổ sách trong chúng và công cử ban Trù-Trí năm sau. Khi ban Trù-trí mới và ban cũ bàn giao công việc, nếu có chỗ nào không đúng thì phải bổ-cáo liền giữa chúng, không được che giấu.

#### V. — Lệ thi hạch

Lệ thi hạch có hai phần, một phần về các thầy thi hạch, một phần về trong chúng nạn hỏi. Về phần các thầy thi hạch, thi theo chương-trình mà hạch, ai đủ điểm số là đậu. Những người được lấy đậu lại phải mỗi người một giờ ra giữa chúng để trong chúng nạn hỏi: thi tốt-nghệp Dự-học thi do chúng Dự-học thi hông và chúng Tập-sự nạn hỏi; thi tốt nghiệp Tập-học thi do chúng Tập-Học thi hông và chúng Sư-vụ nạn hỏi; thi tốt-nghệp Chánh-Học thi do chúng Chánh-Học thi hông và chúng Kiêm-sự nạn hỏi. Đến như các bực Hoảng-hóa thi không phải thi hạch kinh diển, song phải do chúng nạn hỏi ba lần, mỗi lần 3 giờ đồng hồ: Lần thứ nhất do Đại-biều Tăng-Già trong nước rạn hỏi trong ba tạng kinh diển; lần thứ hai do đại-biều các cư-sĩ học Phật trong nước nạn hỏi về các phương tiện phả trừ vọng-chấp, lần thứ ba do các Tăng-chứng Tượng-Tọa nạn hỏi, về các chỗ pháp-yếu. Nếu cả ba lần đối đáp đều song suốt thì được tôn làm bực Hoảng-pháp.

Trong những khi chúng nạn, đều có ban Trù-trì hiệp đồng với Tăng-chứng Tượng-Tọa chứng-minh và định đoán.

### VI. — Tật bệnh

Trong khi đau ốm, người trong chúng được phép lựa mời các ông thầy thuốc đã phát lâm giúp đỡ trong chúng, không lấy tiền công. Ngoài các ông thầy ấy ra thì phải do ban Trù-Trì liệu định, không được tự quyền mời thầy riêng. Những người bị bệnh điên cuồng thì đầu qui tắc cũng kẽ như không; trong chúng phải lo liệu cứu chữa bình của người ấy chờ không được tần-xuất.

### VII. — Phân sự mỗi từng bực

Phân sự của mỗi từng bực, trong các công việc, trong đường tu học đều do ban Trù-trì hiệp-đồng với Tăng-chứng Thượng-Tọa mà định liệu; duy ban Trù-Trì được phép truyền qui - giới.

\* \* \*

Một Tăng-chứng tồ-chức theo cách như trên thì chắc càng ngày càng đông, khỏi sự chia rẽ và đắc-hạnh của toàn-thể Tăng-chứng mỗi ngày chắc được tăng-trưởng thêm nhiều, lợi ích trong đường tu tập kẽ sao cho xiết. Tăng chúng như vậy mới có thể trụ-trì Phật-pháp, mới không phụ lòng qui-ngưỡng của tín-đồ, và mới đáng gọi là Tăng-gia của đạo Phật.

CHÂU-HẢI





## KIẾT SANH TƯƠNG-TỤC LUẬN

### DUYÊN KHÌ

Trong thế-gian đối với vẫn-dè sống chết đã phát ra rất nhiều tư-tưởng, rất nhiều học-thuyết, chẳng phải không ai đề-tâm nghiên-cứu, chỉ vì thế-gian chỉ biết có đệ-lục-thức mà thôi, nên kẽ chấp-thường, người chấp-doạn, không đúng sự-thật.

Bên chấp-doạn thì tin rằng chết rồi là mệt-hỗn và ngoài cái-thân-thề vật-chất ra, không thể có gì đáng-gọi là tâm-thức nữa. Song xét ra cho kỹ, chính trong một thân người từ-nhỏ đến-lớn, vật-chất thay đổi mãi-mãi, mà ta vẫn là ta, chưa hề hóa thành người-khác; nếu thiệt-tâm-thức chỉ do vật-chất tạo-thành thì đến-khi tất cả vật-chất trong một thân đã thay đổi rồi, tâm-thức ấy cũng phải thay đổi ra-tâm-thức khác; mà nếu tâm-thức thiệt-thay đổi-hỗn thì những sự-học hành lúc-nhỏ đến-khi lớn-khôn-tất-phải quên-hết, cho đến phải quên-cả tên-họ, quên-cả thân-quyến, không còn biết minh-là-ai, lại cũng không còn biết ai-là-ai nữa. Hiện nay chúng ta đều-luồi đến 60, 70, cũng còn nhớ-các việc đã-học-tập trong-lúc 14, 15, tuổi; thể dù-biết cái-thuyết-tâm-thức do-vật-chất-tạo-thành là không-hiệp-lý. Vả-lại, khi chúng ta còn-nhỏ, nhảm-mắt cũng-thấy tối-den đến-khi lớn-tuổi nhảm-mắt cũng-thấy tối-den, cái-thấy-tối-den trong-lúc nhảm-mắt ấy-biệt-coura-hè-vì-thân-thì-có-trẻ-có-già mà-thay đổi. Vậy-chính-noi-thân-chúng-ta quyết-dịnh có-một-tánh-không-thay đổi, cái-tánh-ấy-quyết

định không phải do vật-chất trong thân-thể tạo-thành, vì hiện nay chúng ta chưa từng thấy một vật thường thay thường đổi sao ra được một cái không *thay* không đổi. Huống chi chúng ta hiện thấy giữa đời các món vật-chất tuy thường thường thay đổi đi nữa mà cũng chỉ thay hình đổi dạng chứ chưa hề mất hẳn, dấu cho món vô hình như diền-lực cũng không lúc nào thiệt mất hẳn cả; vậy thì cái tam-lực chúng ta dấu thế nào cũng không thể mất hẳn như chỗ chắp của phái đoạn-kien.

Về bên chắp thường thì tuy đã xác biết tam-thức không mất hẳn, nhưng lại tin rằng tam-thức người chết quyết định là như kia còn sống không có sai khác, nghĩa là sau khi chết, tam-thức cũng biết mình biết người, biết tên biết họ của mình, cho đến biết thân-thể mình thế nào, quyển thuộc làng xóm mình ở đâu, bết giận, biết thương, biết đền ơn, biết trả oán. Phải nầy ngài như vậy là vì chưa biết rằng cái thức biết mình bết người, biết thương biết ghét đó là đê-lực-ý-thức, một cái thức giản đơn, chính khi ngủ mê đã không phát khởi huống nữa là khi chết. Vì cái thường-kien đó nên các ngoại-dao tin có cái linh-hồn, biết phân-biệt như ý-thức của người sống, khi lên thiên-đường hưởng phước, khi xuống địa-ngục chịu tội, mà vẫn biết mình là lên Giáp tên Ất ở chỗ nầy chồ khác, vì đã làm những việc công đức gì được lên thiên-đường, hoặc vì đã làm những tội ác gì phải xuống địa-ngục. Cái linh-hồn của ngoại-dao đó sẽ là thế nào? Đáp lại câu hỏi ấy, trong các ngoại-dao vẫn có nhiều thuyết, nhưng cũng không ngoài hai thuyết là *có thân* và *không thân*. Nói rằng không có thân tai cũng phi lý, vì hễ thiệt không có thân thì còn cái gì dùng chạm với cái gì mà có cảm-giác; đã không có cảm-giác thì còn biết nương vào đâu mà cho rằng có hưởng sự vui hay chịu sự khổ. Còn như nói rằng có thân, thì cái thân ấy sống hay không sống; nếu thân ấy không sống thì cũng như cái thân người đã chết, còn biết chỉ là vui hay là khổ; còn nếu như thân ấy có sống thì đã có sống tất nhiên phải co chết, vì hiện chúng ta không thấy một cái gì có sống mà không chết, mà đã có sống chết thì sao lại còn gọi là hưởng

phúc chịu khổ đời đời! Vả chăng người sống, sau khi chết thành ra cái thân linh-hồn, vậy đến khi cái thân linh-hồn chết rồi thì mới thành cái thân gì?

Lại nữa, cái vui trên Thiên-dàng là vui về tinh-l襌 hay về vật-chất? Nếu như vui về tinh-l襌 thì ở chỗ nào lại không vui được, cần gì phải lên thiên-dàng; nếu như vui về vật-chất thì vui lâu hóa chán, còn biết gì là vui nữa. Lại những sự chịu khổ ở địa-ngục thường hay vô-thường; nếu như vô-thường thì không thể gọi là thường thường chịu khổ; còn nếu như là thường thì cái khổ ấy có thể làm thiệt-bại đến sự sống hay không thể làm thiệt-bại đến sự sống: Nếu cái khổ có thể làm thiệt hại đến sự sống thì tất nhiên kẽ chịu khổ phải chết, mà đã chết rồi thì còn biết gì là khổ nữa; còn nếu như cái khổ ấy không thiệt hại đến sự sống thì chịu lâu hóa quen như cá trê ở trong nước đờ nhớp, còn biết gì là khổ nữa.

Lại cái thân linh-hồn đó giống y như thân người khi sống hay là không giống? Nếu không giống y thì đã hóa thành thân khác, đâu còn biết thân mình khi trước là thế nào nữa; mà đã không biết thân trước của mình là người nào thì cũng không biết mình làm việc gì; mà nếu thiệt không biết thì không lẽ lại còn sự thường công phạt tội, như không ai bắt tội những người phạm pháp trong lúc điên cuồng; lại có người điên, tuy một thân mà sự hành động phân biệt, tùy lúc, in như hai người, vậy thì cái linh-hồn đó sẽ là người nào? Lại cái linh-hồn của người điên đối với khi chưa điên là một cái linh-hồn bay là hai cái? Nếu như một cái thì vì sao đến khi điên lại không biết mình là ai nữa, còn nếu như hai cái thì cái trí-giác trong lúc điên đó là cái gì, lại trong lúc điên đó cái linh-hồn cùa ta nup chỗ nào?

Còn như nói rằng cái thân linh-hồn giống y như cái thân người sống thì già sẽ có thân già, con nít mới dẽ sẽ có thân con nít mới dẽ, tật nguyên sẽ có thân tật nguyên, phung hủi sẽ có thân phung hủi, có chi đâu dâng gọi là vui là sướng.

Nói tóm lại, những lời chấp cái linh-hồn biết người biết mình, biết thương biết ghét (tức là chấp cái đệ-lục-thức

ja thường còn, thiệt không đúng lý, vì cái đệ-lục-thức kì nbo khác, khi lớn khác, khi đau khác, khi điên khác, khi vui khác, khi giận khác, không phải nhất định; lại vì cái đệ-lục-thức chính khi ngủ mê, khi đau nặng đã không phát khởi huống nữa là khi chết.

Chúng ta đã xét rõ những chỗ sai lầm của các phái chấp thường chấp đoạn, vậy đối với sự sống chết giữa đời, chúng ta cần phải có cái quan-niệm thế nào mới đúng với sự thật?

#### ĐỊNH DANH

Nói đến vấn-dề sống chết, trong kinh Phật thường nêu bốn chữ «kiết sanh tương-tục»: do các trường-hợp hòa-hiệp kiết-cấu mà hóa ra có sanh nên gọi là kiết-sanh; niệm này, sang niệm khác, đời này đến đời khác, nỗi nham mải mải, không có gián đoạn, nên gọi là tương-tục. Nói đến kiết sanh tương-tục tức là nói đến vấn-dề sống chết. tức là nói về cái hiện-trạng gây nghiệp chịu báo sau khi chết vậy. Vì đó nên lấy 4 chữ KIẾT-SANH TƯƠNG-TỤC làm đầu dãy cho bài luận này, một bài luận nghiên-cứu riêng về vấn-dề sống chết.

#### TỰ-LUẬN

Về phương-diện Kiết-sanh tương-tục, Phật tùy theo cơ-cảm của chúng sanh chỉ dạy nhiều cách, như đối với hạng Nhơn-thiên-thừa thì Phật dạy về «nghiệp-cảm duyên-khí» đối với hàng Nhị-thừa thì Phật dạy về «vô-minh duyên-khí», còn đối với Đại-thừa sơ-lâm thì Phật dạy về «A-lại-da duyên-khí», còn đối với các bực Đại-lâm-phàm-phu thì Phật dạy cái nghĩa «pháp-giới trùng trùng duyên-khí»; bốn jöi duyên-khí ấy đều là chánh-pháp, chúng ta nên lần lượt nghiên-cứu rõ ràng, để thấu hiểu cái đạo-lý chơn-chánh.

##### 1') Nghiệp-cảm duyên-khí

Nghiệp-cảm duyên-khí nghĩa là do sự cảm-ứng của cái nghiệp lành, dữ, làm nhơ-duyên mà phát-khởi ra sự kiết-sanh tương-tục. Người ta trong một đời hoặc làm phước-nghiệp, hoặc làm phi-phước-nghiệp, hoặc làm bất-dộng-nghiệp,

nên cảm-ứng ra cái nghiệp-quả về sau có khác, như phước nghiệp thời cảm-ứng vs phước-quả, phi-phước-nghiệp thì cảm-ứng ra phi-phước-quả, cho đến bất-dộng-nghiệp thi cảm-ứng ra bất-dộng-quả. Các nghiệp quả có thể chia ra hai phần là: Y-báo và chánh-báo. Chánh-báo tức là cẩn-thân, y-báo tức là khi-giới (hoàn-cảnh). Y-báo, chánh-báo đều ở trong phạm-vi ngũ-uần là sắc, thọ, tưởng, hạnh, thức.

Chúng sanh tùy theo nghiệp-nhơn mà có ngũ-uần của nghiệp-quả, el ấp định ngũ-uần là thân của mình, là cảnh của mình, mà không biết ngũ-uần đều duyên-khí như-huyền, nên gọi cái ngũ-uần đã bị chúng sanh chấp như vậy là ngũ thủ-uần, bay là ngũ-ấm. Ngũ-ấm khi mới sanh thi gọi là sanh-hữu, ngũ-ấm đương lúc chết thi gọi là tử-hữu, từ tử-hữu cho đến sanh-hữu đời sau (tậu-hữu). Phật vì thương xót chúng sanh, phá trừ đoạn-kiến, nên lập ra trung-hữu (trung-ấm). Trung-hữu là cái chủng-tử ngũ-uần nối nhau không gián đoạn từ tử-hữu cho đến hậu-hữu. Như trong *Du-Già Sư-địa-luận* đã nói: Do cái lòng ngả-ái không xen hờ, do sự huân-lập cái nhơn ua dâm các danh-tướng hý-luận vô-thì, do sự huân-lập cái nghiệp nhơn tịnh, và bất tịnh mà cái thể của đệ-bát-thức biến hiệu ra cái trung-hữu di-thục vô-gián. Trung-hữu di-thục vô-gián nghĩa là cái di-thục thức (đệ-bát-thức) nối luôn không xen hở, từ tử-hữu cho đến hậu-hữu. » Vậy thi biết trung-hữu-thân là thức-thân chứ không phải là sắc-thân. Lại trong luận có nói: trung-hữu của người làm nghiệp lành như cái đêm trời tạnh trăng sáng trung-hữu của người làm việc dữ như cái đêm mây mù tối tăm, thế là Phật đã chỉ cái tướng-phần của di-thục-thức trong lúc các chủng-tử tịnh bay nhiễm dù thế lực mà hiện-hạnh, chứ không chi khác. Trong luận lại nói trung-hữu có cái thiên-nhẫn tốt thanh-tịnh, đó là chỉ rõ cái kiến-phần của đệ-bát-thức soi khắp pháp-giới không có phân-biệt. Tuy vậy, khi do các nghiệp-nhơn đã có di-thục-quả nơi đệ-bát-thức, thời các chủng-tử tương ưng với nghiệp-quả ấy đã dù nhơn-duyên mà hiện-hạnh, nên trong đệ-bát-thức, đã sẵn các chủng-tử thành-thục về cẩn-thân khi-giới và đã hiện ra cái vô-chất-tánh-cánh của nghiệp-quả ấy rồi; vì vậy trong luận nói: trung-hữu tuy không có gì ngăn ngại, song chỉ có thể

đến cái chờ mình phải thụ-sanh mà thôi; lại các trung-hữu về sắc-giới cũng sẵn có sắc chủng-tử, về dục-giới cũng sẵn có đậm-dục-chủng-tử. Lại Đệ-bát-thức là sanh-diệt tương-tục nên cũng có sanh-tử; trong lúc sanh tử, mỗi tuần 7 ngày các nghiệp-duyên quả khứ có thể chuyển thành quả di-thục của nghiệp khác được. Xét nghĩa như vậy thì biết trung-hữu là cái di-thục-quả đã hiện tiền nơi đệ-bát-thức trước khi thụ-sanh, chứ không chi khác. Ví dụ như có người đã tạo ra phẩm phuoc-nghiệp và cảm-ứng cái nghiệp-quả Tu-la .hì trong tạng-thức người ấy, các chủng-tử ngũ-ẩm về nghiệp Tu-la đã đủ nhơn-duyên mà phát-khởi. Vậy tuy người ấy chưa gặp nhơn-duyên thụ-sinh trong nghiệp Tu-la mà thức-tâm của người ấy đã hóa thành A-lại-Da-thức của nghiệp Tu-la rồi. Vì cái A-lại-da-thức Tu-la ấy nén người đó chỉ có thể nhận thân Tu-la là mình, nhận cảnh Tu-la là cảnh của mình mà không thể nhận thân khác, cảnh khác. Đó là cái nghiệp-duyên kết-cấu làm cho phải tho-sanh về cỗi Tu-la vậy. Đến khi đã thụ-sanh làm Tu-la rồi thì người ấy chỉ một mặt nhận cái ngũ-ẩm Tu-la là thân của mình, là cảnh của mình, cho đến khi cái nghiệp-lực Tu-la tiêu-diệt thì người ấy mới chết. Lúc vừa chết, các chủng-tử Tu-la cùng với các chủng-tử cỗi khác xen lõi, chưa nhất định chủng-tử cỗi nào có thể-lực hơn thì gọi là tử-hữu. Lần lần tùy theo sự cảm-ứng của các nghiệp, chủng-tử cỗi nào tương-ứng với nghiệp-cảm ấy thì đã nhơn-duyên mà dàn áp các chủng-tử khác và chuyển đổi cái thức-tâm hóa thành cái thức-tâm cỗi đó; khi ấy gọi là trung-hữu ✓

Cứ theo cái nghĩa nghiệp-cảm duyên-khỉ mà nói thì sự kiết-sanh tương-lực, toàn căn cứ nơi sự chiêu-cảm của các nghiệp đã làm chứ không chi khác.

## 2) Vô-minh duyên-khỉ

Tâm-tánh của chúng ta vẫn là diệu-minh, vẫn rất sáng suốt, chúng ta nhơn nơi sáng suốt nhận có cái sǐ-minh nên cái tánh-minh của tâm chúng ta trở lại hóa thành năng-minh; đã có năng-minh, thời có sǐ-minh và cái tánh-minh hóa ra có giới-hạn, hóa ra hẹp hòi chấp-né, không giữ được cái bản-tánh diệu-minh; vì đó nên gọi là vô-minh, nghĩa là không sáng suốt. Tâm của chúng sanh đã phân biệt có năng có sǐ thì

chỉ cho khôi nhẫn cái nang là mìn, nhẫn cái sỹ là các vật  
 khác, vì đó mà có thân, có cảnh, thân đối với cảnh, cảnh  
 đối với thân, sanh ra có chồ thân, chồ sơ, chồ đồng, chồ  
 dị, rồi nhơn nơi thân sơ đồng dị mà hóa ra có phiền-não,  
 có già, có đau, có sống, có chết. Các hàng nhị-thùa xét  
 rõ chúng sanh có khô đều do lòng tham-ài chấp trước, có  
 tham-ài chấp-trước là vì có lảnh-thọ, có lảnh-thọ là vì phân-  
 biệt có căn có cảnh; phân biệt có căn có cảnh là vì cái thức-  
 tâm phân biệt, có thức-tâm phân biệt là vì niêm niêm nối  
 luân không bở, mà cái nguyên-do sự niêm niêm nối luân  
 đó là vì vô-minh vậy. Xét ra cho kỹ thì chính nơi ngô-  
 erness, lạc-nhập, thập-nhị-xứ, thập-bát-giới, tìm một cái chí có  
 tánh-cách tu-tại chủ-tề đáng gọi là ngả, thiệt không thể tìm  
 đúng. Ngả vốn không có, chỉ vì vô-minh nên in tuồng là  
 có, rồi nhơn nơi chấp-ngả mà phân biệt chồ thân, chồ sơ,  
 chồ ưa, chồ ghét, nhân có thân của mình, có cảnh của mình,  
 gây nghiệp nhơn, chịu nghiệp -uả, thiệt ra chưa hề có cái  
 gì đáng gọi là mìn, huống nữa là có cái gì đáng gọi là  
 thân hay là cảnh của mình. Xét như vậy thì biết tuy chúng  
 sanh luân-hồi mãi mãi, thiệt ra chưa hề lúc nào có sanh,  
 chưa hề lúc nào có diệt, chỉ vì chúng sanh chấp-ngả nên in  
 tuồng có luân-hồi sanh tử dò thoi. Hàng Nhị-thùa xét như  
 vậy nên thường tu tập phép quán vô-ngả, đến khi ngả-chấp  
 tiêu-trừ, vô-minh đoạn-diệt thì không còn chi đáng gọi là  
 mìn, là thân minh, và cảnh minh nữa, là cũng không ai  
 gây nghiệp, cũng không ai chịu báo, nên phà được cái  
 nguồn gốc của sự Kết-sanh luong-tục và chúng đặng cái  
 quả và sanh của các hực A-La-Há.

(Còn nữa)



# ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHÌÊM

## PHẬT TÓM CHỈ CÁC PHÁP-TƯỚNG ĐỀU LÀ GIẢ DỒI, THIỆT RA CHỈ LÀ NHƯ-LAI-TẶNG-TÁNH

I) Phật chỉ bản-tánh của ngũ-ấm là Như-lai-Ạng-tánh.  
Trong mục trước, Phật nương theo kiến-tinh chỉ rõ Như-Lai-tặng, đến khi Phật chỉ cái nghĩa *vô phi bất phi vô thị phi thị, ly nhứt thế tướng, tức nhứt thế pháp*, thì hiển nhiên Phật đã chỉ đích Như-lai-tặng-tánh rồi, ngặt vì ông A-Nan chưa thoát được những danh-tướng hý-luận của thế-gian, nào nhơn-duyên, nào tự-nhiên, nào hòa-hợp, vân vân, nên không thể thiết thiệt thừa nhận Như-lai-tặng-tánh Phật. Thế-đấy ông A-Nan còn chấp trước các danh-tướng nên luôn tiện Phật khai-thị cho biết rằng các danh-tướng đều giả-dối không thiệt, giả-dối nên không phải là nhơn-duyên-sanh, không thiệt nên không phải là tự-nhiên, thiệt ra đều như huyền như hóa không có tự-tánh; các pháp đều không có tự-tánh nên duy có một tánh tức là lá h diệu chơn-như của Như-lai-tặng.

Về đoạn này, Phật riêng chỉ bản-tánh của ngũ-ấm là Như-lai-tặng-tánh. Ngũ-ấm là sắc, thọ, tướng, hành, thức.

Sắc-ấm gồm cả ngũ căn ngũ trần; tức là gồm cả các sự vật có hình, có tướng. Chúng ta hằng ngày đối với những cái mắt thấy tai nghe, vào tiếng to tiếng nhỏ, vào hình tròn hình vuông, chúng ta đều nhận là thiệt có, không chịu tìm xét các cái ấy thiệt thiệt là thế nào, làm cho tâm-trí chúng ta bị nhốt trong phạm-vi hình-tướng; vì vậy nên gọi là sắc-ấm.

Chúng ta nên xét, nếu vì thấy được mà chúng ta cho là thiệt có thì những bóng trong gương, chúng ta vẫn thấy được mà bóng ấy đâu phải là thiệt có. Lại như khi chúng ta lòi mắt thấy các hoa dởm giữa hư-không, nhưng hoa dởm kia đâu phải là thiệt có.

Ví như khi chúng ta ngồi giữa hư-không, chấm chấm không nhảy mắt thì đến khi mỏi mắt, chúng ta bỗng dung thấy giữa hư-không có các hoa dởm. Sắc-tướng cũng vậy, do tâm chúng ta phân biệt chia rẽ, so do cái này với cái khác và quyết chấp những tướng phân biệt là sắc-tướng, nên mới thành ra có sắc-ẩm. Xét ra cho kỹ thì các sắc-tướng chỉ là cái hư-vọng chấp-trước, chờ chẵng phải do cái cảnh sở-tri sanh ra mà cũng chẵng phải do cái tâm năng-tri sanh ra. Vì nếu do cái cảnh sở-tri sanh ra thì sao ngoài cái hay-biết phân-biệt, lại không thể chỉ cái gì là sắc-tướng. Còn như nói do tâm năng-tri sanh ra thì tâm năng-tri ấy có sắc-tướng hay không sắc-tướng. Nếu tâm năng-tri có sắc-tướng thì lẽ đáng tâm năng-tri là một vật có thể chỉ ra được như các vật khác; còn nếu tâm năng-tri không có sắc-tướng thì làm sao lại sanh ra được những vật có sắc-tướng. Suy xét nhu vậy thì biết rằng tất cả các cái có hình có tướng, tất cả sắc-ẩm thiêt đều không có chỗ sở-nhơn, thiêt: đều là giả dối không có tự-tính.

Thọ ẩm gồm tất cả các cảm-xúc dầu về lạc thọ, khô-thọ hay xả-thọ. Chúng ta hiện đem cái năng-tri duyên với sở-tri mà sanh ra, có các món cảm-xúc, ví như một người lấy haitay xoa nhau sanh ra các cảm-xúc nóng, lạnh, trơn, rít nơi hai bàn tay, nhưng xét ra cho kỹ thì tay mặt cũng là người ấy, tay trái cũng là người ấy, không có cái gì đáng gọi là năng, không có cái gì đáng gọi là sở, cũng không có cái gì đáng gọi là cảm-xúc, chỉ vì vọng-dộng xoa nhau mà in tuồng như có cảm-xúc. Thọ ẩm cũng vậy, năng-tri là Như-lai-tạng, sở-tri là Như-lai-tạng, trong năng có sở, trong sở có năng, ngoài năng không sở, ngoài sở không năng. Năng túc là sở, sở túc là năng, thiêt không có cái gì đáng gọi là thọ, chỉ vì chúng ta vọng động phân biệt in tuồng có cái năng-tri duyên với sở-tri, nên giả dối sanh ra có cảm-xúc mà thôi. Xét nhu vậy thì biết rằng thọ-ẩm là giả dối không thiêt, bản-tánh chỉ là diệu-chơn-như-tánh.

Tưởng-ẩm là các món tưởng-tượng. Chúng ta không rõ các món sắc-tưởng, các món cảm-xúc đều là giả-dối không thiệt do tâm chúng ta vọng động nên in tưởng là có; chúng ta lại nuong theo các món sắc-tưởng, các món cảm-xúc mà đặt các tên gọi các danh-từ, rồi đem các danh-từ ấy đặt trên các món sắc-tưởng, các món cảm-xúc và nhận làm các danh-từ ấy là sự-sự vật-vật, đến nỗi theo danh từ mà tham, theo danh từ mà săn, gây ra các tràn-lao phiền-nǎo. Vì như có người nghe nói trái mơ chua thi trong miệng đã chảy nước miếng. Tiếng nói là tiếng nói của người khác, tiếng nói không phải là trái mơ, tiếng nói không thể ăn được, tiếng nói không có vị chua; lại nghe tiếng nói ấy là về phần lồ tai, thế mà vì sao trong miệng cũng chảy nước miếng. Xét ra cho kỹ, chỉ vì chúng ta nhận biết tiếng nói trái mơ là tên của một trái chua, nhận biết hē ăn đồ chua thi chảy nhiều nước miếng, nên đến khi nghe tiếng nói mơ chua đã tưởng-tượng sự-an mơ chua mà chảy nước miếng. Cái tưởng-tượng rõ ràng là một cái giả-dối không thiệt, thế mà nó cũng đủ năng-lực làm cho phải thèm, phải chảy nước miếng. Vậy mới biết người đời còn bị các danh-từ ràng buộc nhiều lắm.

Người đời bị danh-từ ràng buộc là vì họ thường nhận các danh-từ là cái hiện-cảnh. Như nghe nói danh-lợi có thể tạo thành hạnh-phúc thì đã đưa nhau tham-cầu mà không biết xét cho rõ danh-gi là tưởng-tượng hay là hiện-cảnh, lại cũng không rời rảnh mà xét danh-lợi có thể thiết-thiết đào-tạo hạnh-phúc không? Vì cái thói quen mê-chấp phân biệt, chúng ta hằng ngày đem các giả-danh đặt trên các sự-vật, rồi đeo đuổi theo giả-danh mà chưa hề biết thế nào là sự-vật, thiệt không khác "chỉ 'một' người nghe nói mơ chua mà đã thèm chảy nước miếng. Vậy chúng ta cần phải thoát-ly ngoài các món tưởng-tượng, thoát-ly ngoài các cái giả-danh thì chúng ta mới có thể nhận rõ sự-sự vật-vật thiết-thiết là thế nào, tức là nhận rõ cái tánh diệu-chơn-như của Như-lai-tạng.

Hành-ẩm là cái thay đổi, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, nỗi luộn không dứt, Chúng ta hiện thấy tự-tâm chúng ta nghĩ cái này đến nghĩ cái khác, niệm trước kéo[n] niệm sau, sanh-diệt mãi mãi

song vì tâm-niệm nỗi luôn không dứt nên in tuồng là thường, nhưng thiệt ra thì không khác gì một dòng nước dốc, trong ấy nước vẫn chảy luôn, chỉ vì thay đổi mau quá nên giòng nước in tuồng còn mãi. Vậy thi biết cái tâm là vô - thường, không có tự-tánh, vậy thi biết cái bản-tánh của cái tâm là diệu chơn-như-tánh.

Song ngoài tâm không có niệm, ngoài niệm [không có tâm, niệm diệt tâm cũng không bớt, niệm sanh tâm cũng không thêm, dầu tâm-niệm sanh thiệt không có gì đáng gọi là sanh, dầu tâm-niệm diệt thiệt không có gì đáng gọi là diệt. Sanh đã không phải sanh, diệt đã không phải diệt, thi có gì đáng gọi là hành - ấm, vậy mới biết hành - ấm là giả-dối, bản tánh chỉ là Nhu-lai-tạng-tánh.

Thức-ấm tức là cái rõ biết, tức là nghiệp-thức của chúng sanh vậy. Chúng sanh luân hồi trong lục đạo, nghiệp-thức bỏ thân này nhận thân khác, theo nhau mà chịu quả, in tuồng có một pháp từ chỗ này di đến chỗ khác, nhưng xét ra cho kỹ, vạn pháp đều duy-thức, chỉ vì mê làm phân-biệt nên nhận có thân riêng, nhận có cảnh riêng mà thôi.

Vạn pháp đã là duy-thức, toàn thể pháp-giới đã là duy-thức, thì tuy in tuồng có thân này thân khác, in tuồng có luân - hồi cõi này cõi khác mà thân nào thân nào cũng là duy-thức, cõi nào cõi nào cũng là duy-thức, thiệt ra chưa hề có cái gì di qua di lại. Chúng ta bị thức-ấm che lấp tâm-tánh, nhận thân này thân khác mà in tuồng có luân-hồi thi cũng không khác một người, không biết hư-không cùng khắp, lại đem một binh hư không xứ này qua cho xứ khác. Vậy mới biết cái bản tánh của thức-ấm là nhu-lai-tạng-tánh.

(Còn nữa)

VIENN-ÂM



經  
首楞嚴經  
(續)

...復次，阿難，云何六入本如來藏妙真如性，阿難，即彼目睛瞪發勞者，兼目與勞，同是菩提瞪發勞相？

因於明暗二種妄塵，發見居中，吸此塵象，各爲見性，此見離彼明暗二塵，畢竟無體。

如是，阿難，當知是見非明暗來，非於根出，不於空生。

何以故？若從明來，暗卽隨滅，應非見暗；若從暗來，明卽隨滅，應無見明。若從根生，必無明暗，如是見精，本無自性。若於空出，前曠塵象，歸當見根，又空自觀，何關汝入。

是故當知眼入虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難，譬如有人以兩手指急塞其耳，耳根勞故，頭中作聲；兼耳與勞，同是菩提瞪發勞相。

因於動靜二種妄塵，發聞居中，吸此塵衆，名聽聞性。此聞離彼動靜二塵，畢竟無體。如是阿難，當知是聞非動靜來，非於根出，不於空生。何以故？若從靜來，動卽隨滅，應非聞動；若從動來，靜卽隨滅，應無覺靜。若從根生，必無動靜。如是聞體本無自性。若於空出，有聞成性，卽非虛空，又空自聞，何關汝入。

是故當知耳入虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難，譬如有人急畜其鼻，畜

久成勞，則於鼻中聞有冷觸，因觸分別通塞虛寔，如是乃至諸香臭氣，兼鼻與勞同是菩提瞪發勞相。

因於通塞二種妄塵，發聞居中，吸此塵家，名艱聞性。此聞離彼通塞二塵，畢竟無體。當知是聞非通塞來，非於根出，不於空生。何以故？若從通來，塞則聞滅，云何知塞？如因塞有，通則無聞，云何發明香臭等觸？若從根生，必無通塞，如是聞機本無自性。若從空出，是聞自當迴艱汝鼻，空自有聞，何關汝入。

是故當知鼻入虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難，譬如有人以舌舐吻，熟舐令勞，其人若病則有苦味，無

病之人微有甜觸;由甜與苦顯在;兼此舌根不動之淡性常在。因舌與勞同是善根，發知味性。此甜苦淡二種妄塵，發知味性，離彼甜苦及淡二塵，畢竟無體。如是，阿難當知如是嘗苦淡知非，甜苦來，非因淡有，又非根出，不於空生，何以故？若甜苦來，淡則知滅，云何知淡？若從淡出，甜卽知亡，復云何知甜苦二相？若從舌生，必無甜淡及與苦塵，斯知味根本無自性。

若於空出，虛空自味，非汝口知，又空自知，何關汝入？

是故當知舌大虛妄，本非因緣，非自然性。

阿難，譬如有人以一冷手觸

於熱手，若冷勢多，熱者從冷；若熱功勝，冷者成熱。如是以此合覺之觸，顯於離知；涉勢若成，因於勞觸；兼身與勞，同是菩提瞪發勞相。

因於離合二種妄塵，發覺居中，吸離蒙名，知覺性此畢竟離合無體。如是阿難，當知順二塵畢，非違順有，不於根出，反當空生，何以故？若合辰來，離當已滅，云何覺離，違順二相亦復如是。若從根出，必無離合違順四相，則汝身知元無自性，必於空出；空自知覺，何關汝入？是故當知身入虛妄，本非因緣，非自然性，阿難，譬如有人勞倦，則眼睡熟便寤，覽塵斯憶，失憶爲忘，是

其顛倒生住異滅，吸習中歸，不相踰越，稱意知根；兼意與勞，同是菩提瞪發勞相。

因於生滅二種妄塵，集知居中，吸撮內塵，見聞逆流，流不及地，名覺知性。此覺知性，離彼寤寐，生滅二塵，畢竟無體。

如是阿難，當知如是覺知之根，非寤寐來，非生滅有，非於根出，亦非空生。何以故？若從寤來，寐卽隨滅，將何爲寐？必生辰有，滅卽同無，令誰受滅？若從滅有，生卽滅無，誰知生者？

若從根出，寤寐二相隨身開合，離斯二體，此覺知者同於空花，畢竟無性。若從空生，自是空知，何關汝入？是故當知意入虛妄，本非因緣，非自然性。

(未完)

# Kinh Diễn-Âm

Thủ-Lăng-Nghiêm Kinh (Suramgama)  
(Tục)

... Phục thứ, A-Nan, vẫn bà lúc nhập bǎn Như-lai-tạng  
diệu chơn-như-tánh, A-Nan, tức bỉ mục tinh tránh phát lao  
giả, kiêm mục giữ lao, đồng thị bồ-dề tránh phát lao tướng.

Nhơn ư minh ám nhỉ chũng vọng trần, phát kiến cư  
trung, hắp thử trần tượng, danh vi kiến tánh. Thủ kiến  
ly bỉ minh ám nhỉ trần, tất cảnh vô thể.

Như thị, A-Nan, đương tri thi kiến phi minh ám lai, phi  
ư căn xuất, bất ư không sanh.

Hà dĩ cõ? Nhược túng minh lai, ám tức tùy diệt, ưng phi  
kiến ám; nhược túng ám lai, minh tức tùy diệt, ưng vô kiến  
minh. Nhược túng căn sanh, tất vô minh ám, như thị kiến  
tinh bǎn vô tự tánh. Nhược ư không xuất, tiền chúc trần  
tượng, qui đương kiến căn, hựu không tự quan, bà quan  
nhữ nhập.

Thi cõ đương tri nhǎn nhập hư vọng, bǎn phi nhơn  
duyên, phi tự nhiên tánh.

A-Nan, thí như hữu nhơn dỉ lưỡng thủ chỉ cấp tắc kỳ  
nhỉ, nhỉ căn lao cõ, đầu trung tắc thanh; kiêm nhỉ dữ lao,  
đồng thị bồ-dề tránh phát lao tướng.

Nhơn ư động tinh nhỉ chũng vọng trần, phát văn cư  
trung, hắp thử trần tượng, danh thính văn tánh. Thủ văn ly  
bỉ động tinh nhỉ trần, tất cảnh vô thể. Như thị, A-Nan,  
đương tri thi văn phi động tinh lai, phi ư căn xuất, bất ư  
không sanh. Hà dĩ cõ? Nhược túng tinh lai, động tức tùy  
diệt, ưng phi văn động; nhược túng động lai, tinh tức tùy  
diệt, ưng vô giác tinh. Nhược túng căn sanh, tất vô động  
tinh, như thị văn thè bǎn vô tự tánh. Nhược ư không xuất,  
hựu văn thành tánh, tức phi hư không, hựu không tự văn,  
bà quan nhữ nhập.

Thị cỗ đương tri nhĩ nhập hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-Nan, thí như hữu nhơn, cấp súc kỵ !ý, súc cữu thành lao, tắc uỷ trung văn hữu lãnh xúc, nhơn xúc phao biệt thông !ắc hư thiệt, như thị nãi chi chư hương xú khí; kiêm tỷ dữ lao, đồng thị bồ đề tránh phát lao tướng.

Nhơn ư thông tắc nhĩ chưởng vọng trần, phát văn cư trung, hấp thử trần tượng, danh hữu văn tánh. Thủ văn ly bỉ thông tắc nhĩ trần, tất cánh vô thề. Đương tri thị văn phi thông tắc lai, phi ư căn xuất, bất ư không sanh. Hè dĩ cỗ? Nhược túng thông lai, tắc tắc văn diệt, văn hả tri tắc; như nhơn tắc hữu, thông tắc vô văn, văn hả phát minh hương xú đẳng xúc. Nhược túng căn sanh, tất vô thông tắc, như thị văn cơ bản vô tự tánh. Nhược túng không xuất, thị văn tự đương hồi hữu nhữ !ý, không tự hữu văn, hả quan nhữ nhập.

Thị cỗ đương tri lỹ nhập hư vọng, bản phi nhơn duyên phi tự nhiên tánh.

A-Nan, thí như hữu nhơn dỉ thiệt chỉ vân, thực chỉ linh lao, kỵ nhơn nhược bệnh tắc hữu khổ vị, vô bệnh chỉ nhơn vi hữu cam xúc; do cảm dữ khổ hiễn thử thiệt căn, bất động chỉ thời đam tánh thường tại; kiêm thiệt dữ lao, đồng thị bồ-đề tránh phát lao tướng. Nhơn cam khổ đam nhĩ chưởng vọng trần, phát tri cư trung, hấp thử trần tượng, danh tri vị tánh. Thủ tri vị tánh, ly bỉ cam khổ cập đam nhĩ trần, tất cánh vô thề. Như thi, A-Nan, đương tri như thi thường khổ đam tri phi cam khổ lai, phi nhơn đam hữu, hữu phi căn xuất, bất ư không sanh. Hè dĩ cỗ? Nhược cam khổ lai, đam tắc tri diệt, văn hả tri đam; nhược túng đam xuất, cam tức tri vong, phục văn hả tri cam khổ nhĩ tựóng. Nhược túng thiệt sanh, tất vô cam đam cập dữ khổ trần, tư tri vị căn bản vô tự tính.

Nhược ư không xuất, hư không tự vi, phi nhữ khâu tri, hữu không tư tri, hả quan nhữ nhập.

Thị cỗ đương tri tbiệt nhập hư vọng, bản phi nhơn duyên phi tự nhiên tánh.

(Vi-hoàn)

A-Nan, thí như hữu nhơn dĩ nhất lảnh thủ xúc ư nhiệt thủ, nhược lảnh thể đa, nhiệt giã tùng lảnh, nhược nhiệt công thẳng, lảnh giã thành nhiệt; như thí dĩ thử hợp giác chi xúc, hiều ư ly tri; thiệp thể nhược thành, nhơn ư lao xúc; kiêm thân dữ lao, đồng thị bồ-đề tránh phát lao tướng.

Nhơn ư ly hợp nhị chũng vọng trán, phát giác cư trong, hắp thử trán tướng, danh tri giác tánh. Thủ tri giác thè ly bỉ ly hợp vi thuận nhị trán, tất cánh vô thè. Như thí, A-Nan, đương tri thị giác phi ly hợp lai, phi vi thuận hữu, bắt ư căn xuất, hựu phi không sao. Hà dĩ cõ? Nhược hợp thời lai, ly đương dĩ diệt, vân bà giác ly; vi thuận nhị tướng diệc phục như thí. Nhược tùng căn xuất, tất vô ly hợp, vi thuận tú tướng, tất nhữ thân tri nguyên vô tự tánh. Tất ư không xuất, không tự tri giác, bà quai nhữ nhập. Thị cõ đương tri thân nhập hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.

A-Nan, thí như hữu nhơn lao quyết tắc miên, thụy thực tiệm ngô, lâm trán tư ức, thất ức vi vong, thị kỳ diên đảo sanh trụ dĩ diệt, hắp tập trung qui, bất tướng du việt, xưng ý tri căn; kiêm ý dữ lao, đồng thị bồ-đề tránh phát lao tướng.

Nhơn ư sah diệt nhị chũng vọng trán, tập tri cư trong, hắp toát nội trán, kiến văn nghịch lưu lưu bất cập địa, danh giác tri tánh. Thủ giác tri tánh, ly bỉ ngô my sah diệt nhị trán, tất cánh vô thè.

Như thí, A-Nan, đương tri như thị giác tri chi căn, phi ngô my lai, phi sao diệt hữu, phi ư căn xuất, diệc phi không tanh. Hà dĩ cõ? Nhược tùng ngô lai, my túc tùy diệc sương bà vi my; tất sah thời hữu, diệt túc đồng vô, linh thùy thụ diệt; nhược tùng diệt hữu, sah túc diệt vô, thùy tri sah giả.

Nhược tùng căn xuất, ngô my nhị tướng tùy thân khai hợp, ly tư nhị thè, thử giác tri giã đồng ư không hoa, tất cánh vô tánh. Nhược tùng không sanh, tự thi không tri, bà quan nhữ nhập.

Thí cõ đương tri ý nhập hư vọng, bản phi nhơn duyên, phi tự nhiên tánh.  
(Vì hoàn)

## Kinh diền nghĩa

### Thú Lăng nghiêm Kinh (*Suramgama*) (tiếp theo)

...Lại nữa A-nan, làm sao bắn-tánh của lục-nhập (1) là tánh diệu-chơn-như của Như-lai-lang.

A-Nan, tức như trên đã nói, trong con mắt ngó chém hóa ra mỗi mệt (2), cả con mắt và cái nhọc mệt ấy đồng là các tướng nhọc mệt do tánh Bồ-đề chuyên chú mà phát ra.

Nhơn nơi hai cái vọng-trần sáng và tối, phát ra cái thấy nơi bè trong, để thâu nạp các trần-tượng ấy, gọi là cái tánh thấy. Vì hai cái trần sáng và tối kia thì cái tánh thấy ấy hẳn không có tự-thể. Thiệt vậy A-Nan, ông nên biết cái tánh thấy ấy chẳng phải từ nơi cái sáng cái tối mà đến, chẳng phải ở nơi nhẫn-căn mà ra, chẳng phải do nơi hư-không mà sanh. Vì có gì? Nếu từ cái sáng mà đến, khi tối liền theo cái sáng mà diệt, lẽ không thể thấy tối; nếu từ cái tối mà đến, khi sáng liền theo cái tối mà diệt, lẽ không thể thấy sáng; nếu từ nơi nhẫn-căn mà sanh, hẳn không có cái sáng cái tối, vì cái thấy như vậy vốn không có tự-tánh; nếu do hư-không mà ra thì xem phía trước thấy trần-tượng, quay trở về lẽ phải thấy nhẫn-căn, lại cái hư-không tự-thấy, nào dính gì với cái nhập (3) của ông. Vậy ông nên biết rằng cái nhẫn-nhập là luồng dõi, vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, cùng chẳng phải tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt lỗ tai thì vì cái nhẫn-căn bị mỗi mệt mà trong đầu hóa ra có tiếng; cả cái nhẫn-căn và cái mỗi mệt ấy đồng là các tướng mỗi mệt do tánh Bồ-Đề chuyên chú phát ra. Nhơn hai cái vọng-trần động và tĩnh (4), phát cái nghe nơi bè trong, để thâu nạp trần-tượng ấy, gọi là tánh nghe; lý hai cái trần động tĩnh kia thì tánh nghe rất ráo không có tự-thể. Thiệt vậy ông

A-Nan, ông nên biết cái nghe ấy chẳng phải từ nơi động nơi tịnh mà đến, chẳng phải từ nơi nhỉ-cắn mà ra, chẳng phải do nơi hư-không mà sanh. Vì cớ gì: Nếu từ nơi cái tịnh mà đến, khi động thì liền theo cái tịnh-mà diệt, lẽ khong thể biết là động; nếu từ nơi cái động mà đến, khi tịnh thì liền theo cái động mà diệt, lẽ ra khong thể biết là tịnh; nếu từ nhỉ-cắn mà sanh, hẳn khong có động có tịnh thi cái nghe như vậy vốn khong tự tánh; nếu do hư-không mà ra thì đã thành có cái tánh biết nghe tức là khong phải hư-không, lại hư-không tự nghe lấy, nào dính gì với cái nhập của ông. Vậy ông nên biết rằng cái nhỉ-nhập là luống đổi vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người nhét chặt lỗ mũi, nhét lâu chàub ra mỗi mệt thi ở trong lỗ mũi nghe có cái cảm-xúc lạnh lạnh, nhơn cảm-xúc như vậy mà phân biệt khi thông, khi bịt, khi trống, khi đặt, cho đến phân biệt tác mùi thơm mùi thối; cả cái nhỉ-cắn và cái mệt mỗi ấy, đồng là các tướng mệt mỗi do tánh Bồ-Đề chuyên chú phát ra. Nhơn hai cái vọng-trầm thông và tắc (5) phát cái tánh ngửi nơi bề trong đề thâu nạp trầm-tượng ấy, gọi là cái tánh ngửi; ly hai trầm thông và tắc, cái tánh ngửi ấy rõ ráo khong tự-thể. Ông nên biết cái tánh ngửi như vậy chẳng phải từ cái thông cái tắc mà đến, chẳng phải từ ti-cắn mà ra, chẳng phải do hư-không mà sanh. Vì cớ gì: Nếu từ cái thông mà đến thi khi tắc cái tánh ngửi phải diệt mất, làm sao còn biết là tắc; nếu nhơn cái tắc mà có, thi khi thông, khong thể ngửi được nữa, làm sao lại phát-minh ra các mùi thơm thối; nếu từ ti-cắn mà sanh, hẳn khong có cái thông và cái tắc thi cái ngửi như vậy vốn khong tự-tánh, nếu do hư-không mà ra, thi cái ngửi ấy lẽ phải xoay lại ngửi cái mũi ông và cái hư-không tự có tánh ngửi, nào dính gi với cái nhập của ông. Vậy ông nên biết rằng cái nhỉ-nhập là luống đổi, vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người lấy cái lưỡi liếm mép, liếm mãi phát ra mệt mỏi, như người ấy có bệnh thì hóa có vị *đắng*, còn người không bệnh thì hóa có chút ít vị *ngọt*; do cái *ngọt* và cái *đắng* mà rò ra có cái thiệt-cân, còn trong khi yên lặng thì thường chỉ một vị *lợt*; cả cái thiệt-cân và cái mệt mỏi ấy, đồng là các tướng mệt mỏi do tánh Bồ-Đề chuyên chú phát ra.

Nhơn hai vọng-trần *ngọt* hoặc *đắng* và *lợt* (6) phát cái biết nơi bে trong đê thầu nạp các trần-tượng ấy gọi là tánh biết vị.

Lý hai cái trần *ngọt*, *đắng*, và *lợt* kia thi cái tánh biết vị ấy rốt ráo không có tự-thể. Thiệt vậy A-Nan, ông nên biết rằng cái tánh biết *đắng* biết *lợt* ấy chẳng phải từ nơi *ngọt* *đắng* mà đến, chẳng phải nhơn nơi cái *lợt* mà có cũng chẳng phải tự nơi thiệt-cân mà ra, cũng chẳng phải do nơi hư-không mà sanh. Vì cờ gì: Nếu từ cái *ngọt*, *đắng* mà đến thi khi *lợt* cái biết ấy phải diệt, làm sao còn biết là *lợt* nếu từ cái *lợt* mà ra, thi khi *ngọt* cái biết ấy đã mất rồi, làm sao lại biết được các tướng *ngọt* và *đắng*. Nếu từ thiệt-cân mà sanh, hẳn không có các trần *ngọt* *lợt* và *đắng* thi cái tánh biết vị như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư-không mà ra thi hư-không tự biết vị, chờ chả phải là miệng của ông, lại hư-không tự biết, nào dính gì với cái nhập của ông. Vậy ông nên biết rằng cái thiệt-nhập là luồng đối vốn châhg phải tánh nhơn-đuyên-sanh, chả phải tánh tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người lấy một cái tay *lạnh* chạm nơi cái tay *nóng*, như cái thế-lực bên *lạnh* nhiều thi cái tay *nóng* trở theo hỏa *lạnh*, như cái công năng bên *nóng* nhiều hơn thi cái tay *lạnh* trở thành ra *nóng*. Lấy cái chỗ giác-xúc trong khi hiệp như vậy mà bày rõ có cái biết trong khi ly (7); sự can-thiệp với nhau tthành-tựu, là nhơn nơi các tướng mệt mỏi là các cảm-xúc; cả cái thân-cân và cái mệt mỏi ấy đồng là các tướng mệt mỏi do tánh Bồ-Đề chuyên chú phát ra. Nhơn nơi hai cái vọng-trần *ly* và *hiệp*, phá cái giác-xúc nơi bέ trong đê thầu nạp các trần-tượng ấy, gọi là tánh tri giác; ly hai cái trần *ly* và *hiệp*, vi và *thuận* (8), thi cái tánh tri giác ấy rốt ráo không có tự-thể. Thiệt vậy, ông A-Nan, ông nên biết rằng cái tri-giác ấy chả phải từ nơi *ly* *hiệp* mà đến, chả phải

nhơn nơi *vi thuận* mà có, chẳng phải từ nơi thân-căn mà ra, củng chẳng phải do nơi hư-không mà sanh. Vì *cớ* gì; Nếu từ cái *hiệp* mà đến, khi *ly* lẻ phải diệt mất, làm sao còn biết là *ly*; đối với hai tướng *vi, thuận*, nghĩa lý cũng như vậy; nếu từ thân-căn mà ra, hẳn không có 4 tướng: *ly, hiệp, vi, thuận*, thời cái tri-giác nơi thân-căn, vốn không tự-tánh; nếu do hư-không mà ra thì hư-không tự có tri-giác, nào dính gì với cái nhập của ông; vậy ông nên biết rằng cái thân-nhập là luồng dõi, vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh-tự-nhiên.

A-Nan, ví như có người mệt mỏi thi thiếp ngủ, ngủ no rồi thi tỉnh dậy, thấy trần-cảnh thí nhở, hết nhớ thi gọi rằng quên, các món sanh trù diệt (9) điện-đảo kia, tập quen thâu nạp vào bè trong, không lộn lạo nhau gọi là ý-căn; cả ý-căn và cái mệt ấy đồng là cái tướng mệt do tánh Bồ-dề chuyên chủ phát ra. Nhơn nơi hai cái vọng-trần *sanh* và *diệt* tập khởi cái biết nơi bè trong để thâu nạp các nội-trần ấy, các cái thấy nghe đi ngược vào trong mà không đến nơi, gọi là tánh hay biết. Tánh hay biết ấy, ly hai cá trân *ngộ* và *mị*, *sanh* và *diệt* (10) kia, rõ ráo không có tự-thể. Thiệt vậy A-Nan, Ông nên biết cái hay biết như vậy chẳng phải tự *ngộ, mị* mà đến, chẳng phải nhơn nơi *sanh diệt* mà có, chẳng phải từ nơi căn mà ra, củng chẳng phải do hư-không mà sanh. Vì *cớ* gì ? Nếu từ nơi cái *ngộ* mà đến, khi *mị* thi liền diệt theo thi lấy cái gì mà gọi là *mị*; như chắc khi *sanh* là có thì khi *diệt* phải hóa ra không, còn chi mà biết là *diệt*; như nhơn cái *diệt* mà có thi đến khi *sanh* không có *diệt* nữa, lấy gì mà biết là *sanh*; như từ cái căn mà ra thì hai cái tướng *ngộ* và *mị* theo nhau mà khai mà hiệp nơi thân ly hai cái thể ấy thi cái tánh hay biết kia cung đồng như hoa đốm giữa hư-không, rõ ráo không có tự-tánh; như do hư-không mà sanh thì hư-không tự biết, nào dính gì với cái nhập của ông ; vậy ông nên biết rằng ý-nhập là luồng dõi, vốn chẳng phải tánh nhơn-duyên-sanh, chẳng phải tánh tự-nhiên.

(còn nữa)

VIÊN-AM

### Cắt nghĩa các danh từ trong kinh

1) Lục-nhập. — Nhập nghĩa là thâu-nạp, lanh-nạp, do sáu căn thâu góp tràn-cánh nên gọi sự lanh-nạp nơi 6 căn lục-nhập : nhẫn-nhập, nhỉ-nhập, tì-nhập, thiệt-nhập, thân-nhập, ý-nhập.

2) Mệt mỏi. — Theo đoạn này, tức là hóa ra lóa con mắt, thấy hoa đốm.

3) Dính gì với cái nhập của ông. — Do 6 căn ông A-Nan, thâu-nạp tràn cánh thì mới gọi là lục-nhập của ông A-Nan, chứ nếu không tự-thâu-nạp tràn-cánh thì có dính gì với ông A-Nan mà gọi là lục-nhập của ông.

4) Hai cái vọng-trần động và tĩnh. — Trần là các tướng thay đổi sanh diệt; sắc, thanh, hương, vị, súc thì gọi là ngoại-trần, pháp thi gọi là nội-trần. Vọng-trần là cái trần-tượng giả đổi. Đối với nhỉ-cân, vọng-trần là thanh-trần, gồm có hai phần :

a) Có tiếng tăm thì gọi là động.

b) Không tiếng tăm thì gọi là tĩnh.

5) Thông và tắc. — Thông là thông thương, tắc là ngăn bít. Khi lỗ mũi bị ngăn bít thì không biết mùi gì cả, đến khi thông thương thì mới biết mùi thơm mùi thối.

6) Nhơn hai vọng-trần ngọt hoặc đắng và lợt. — Ngọt, đắng và lợt là ba vị, sao lại chỉ nói hai cái vọng-trần ? Vì ngọt, đắng về phần có vị, lợt thì về phần không có vị, nên chi tóm lại làm hai món vọng-trần là có vị (ngọt, đắng) và không có vị (lợt) mà thôi.

7) Lấy cái chỗ giác-xúc trong khi hiệp như vậy mà bày rõ có cái biết trong khi ly. Hiệp nghĩa là thân-thề chạm với cái gì mà biết; do biết có dụng chạm nên đến khi ly, nghĩa là khi hết dụng chạm, cũng biết là hết dụng chạm.

8) Vị và thuận. — Cái gì trái với thân-thề, sanh ra khổ-thọ gọi là vị, cái gì thích với thân-thề sanh ra lạc-thọ thì gọi là thuận. Hễ khi hiệp mà vị thi khi ly lại thuận, như tay rờ nước đá nghe ạnh khó chịu thi đến khi không rờ nước đá nữa thi lấy thích

Trái lại, nếu khi hiệp mà thuận thì khi ly lại vì, như mùa lạnh **đáp** mèn ấm áp thì thích, đến khi không đáp nữa thì nghe khó chịu.

9) *Sanh trụ diệt*.— Khi mới sanh ra thì gọi rằng sanh, sanh rồi **dừng** yên chưa thay đổi thì gọi là trụ, khi thay đổi suy kém thì gọi là **đị**, đến khi dứt mất thì gọi là diệt. Tâm-niệm hết nghĩ cái này lại nghĩ cái khác, cho đến hết thức thì ngũ, hết ngũ thi thức, hết quên thì nhớ, hết nhớ thì quên, nên thường có sanh trụ diệt. Thiệt ra thì sự sanh diệt của tâm-niệm rất mau chóng, khó bồ nhận được lắm.

10) *Ngô, my, sanh, diệt*.— Ngô là khi thức, my là khi ngũ, sanh là khi phát-sanh, diệt là khi diệt mất.



# Luận

因 明 八 正 理 論

NHƠN MINH NHẬP CHÁNH LÝ LUẬN

商 鴻 露 主 著

Thương-Yết-La-chủ-tạo

玄 奠 法 師 譯

Huyền-trang Pháp-sư dịch

*Giảng - nghĩa.* — 1) *Nhơn-Minh.* — Phật thường dạy các vị Bồ-tát phát nguyện độ sanh cần phải học Ngũ minh. Minh nghĩa là rõ biết một cách chắc thiêt. Ngũ minh là :

a) *Thanh Minh.* — 青 明 Thanh-Minh nghĩa là rõ biết tiếng nói, văn tự, thi từ, học-thuyết để có thể dùng luận văn đứng đắn. Tiếng nói rõ ràng, thi từ hay ho văn vần mà tuyên truyền Phật-pháp.

b) *Công-xảo-minh.* — 工 巧 明 Công - xảo-minh nghĩa là rõ biết các kỹ-nghệ, mĩ-thuật để tùy theo nghệ-nghiệp mỗi người mà chỉ về đường tu hoặc y như mĩ-thuật mà trang - nghiêm phạm vũ.

c) *Y-học-minh.* — 医 學 明 Y-học - Minh là rõ biết môn học làm thuốc để cứu giúp người trong khi đau ốm và nương theo lối đổi trị thân bệnh của thế-gian mà chỉ về lối đổi trị tâm bệnh của Phật-pháp.

d) *Nội-minh.* — 內 明 Nội-minh là rõ biết nghĩa lý trong kinh-diền đạo Phật, hay nhận rõ tâm pháp một cách xác thiêt.

e) *Nhơn-minh* — 因 明 Nhơn-minh là rõ biết cái duyên-có, chỗ sở-nhơn, sở-do đúng đắn, phảm lập ra thuyết gì cũng nói chỗ sở dĩ một cách rạch ròi không có sai lầm.

Nhơn-minh tức là cái môn học về mặt lý đoán túc là luận - lý học,

Phàm muốn lập một thuyết gì cần phải có đủ ba phần là tồn (tồn-chỉ), nhơn (cái sở nhơn, cái sở dỉ, cái bởi tại làm sao) và cù (các ví dụ), thời người khác mới hiểu rõ và công nhận lý thuyết của mình lập ra là đúng.

2) *Nhập chánh lý*.—*Nhập* có hai nghĩa là ngộ - nhập và chứng-nhập. Ngộ-nhập lại có hai nghĩa là giải - ngộ và chứng-ngộ. Nhơn nghe thuyết-pháp suy xét hiểu rõ nghĩa lý thi gọi là giải-ngộ; nhơn noi quán-tưởng xác thiêt nhận rõ chánh - pháp thi gọi là chứng-ngộ.

Chứng-nhập lại có ba nghĩa là tiệm-nhập, đốn-nhập và viên-nhập. Tiệm-nhập là lần lần theo từng bực mà chứng - nhập pháp - giới-tánh. Đốn nhập là thẳng một mạch chứng nhập Pháp giới tánh. Viên-nhập là viên-mẫn chứng-nhập pháp-giới-tánh.

Về phần ngộ-nhập có thể dịch chữ nhập là hiểu biết, là thông suốt, còn về phần chứng-nhập thì thêm một chữ chứng cũng đã dư rồi, nên không thể dịch và phải để ý chữ nhập mới đúng cái nghĩa «trung trung nhiếp nhập, phi nhứt phi dị».

*Chánh lý* là cái lý-chơn-chánh.—Lý-chơn - chánh đây là cái lý chơn chánh tuyệt đối, ra ngoài các thành - kiến, dựng trên một cái nền lý-doán công bình xác thiêt, chứ không phải như các cái lý chêch lệch mà người đời tùy theo lập-trường của mình cũng gắng gượng gọi là chơn-lý.

Nhập chánh-lý nghĩa là ngộ - nhập, chứng - nhập cái lý chơn-chánh.

3) *Luận*.—Kinh điền đạo Phật chia ra làm ba tạng là kinh-tạng, luận-tạng, luật-tạng. Luận - tạng gồm các bài luận do các vị Bồ-tát tạo ra để phân-biện chỗ phải chỗ quấy, để đánh đổ các tà thuyết và chỉ rõ đạo-lý chơn-chánh.

*Nhơn-minh nhập chánh-lý-luận* có nhiều nghĩa :

a) Là cái luận tên là Nhơn-minh-nhập-chánh-lý.

b) Là cái luận nhập-chánh-lý về nhơn-minh.

c) Là luận về do nhơn-minh mà nhập được chánh-lý.

4) *Thượng-Yết-La-Chủ lạt*.—Bên xứ Ấn-Độ, từ đời Thượng-cõ, đã có môn học Nhơn-minh do ông Túc-Mục sáng-tạo. Môn học

Ấy đối với luận-lý học hiện thời cũng đã có phần rốt ráo hơn. Khi đức Phật Thích-Ga ra đời thuyết - pháp, Ngài vẫn thường y phép Nhơn-minh phá-trù mê chấp và chỉ về chỗ chơn - thiệt. Tuy Phật không dạy riêng về Nhơn-minh mà trong các kinh điển, Phật vẫn dùng Nhơn minh một cách rất viền mản. Về sau, các vị tổ - sư như ngài Long-Thọ trong bộ Hồ - tránh - luận, nhì Ngài Vô - Trước trong bộ Hiền - Dương luận, vẫn vẫn cũng đã lăn lượt chỉ rõ thêm cái lối luận-lý chánh - đáng và củng đâ bõ - khuyết cho că Nhơn minh học đời trước nhiều lắm.

Đến ngài Trần-Na Bồ-Tát, ngài lại nghiên cứu Nhơn-Minh - học rất tinh-tường, chỉ vẻ rạch ròi các điều - kiện trong lúc luận-lý một cách công bằng thiết thực, lập thành một học-thuyết mới về phương-diện luận-lý, một học-thuyết mà người ta có thể gọi rằng « Tân-nhơn-minh-học ». Học trò của ngài Trần-Na là ông Thương Yết-La-Chủ, tóm-tắt Lý thuyết của ngài làm bộ luận này gọi là « Nhơn-Minh-nhập-chánh lý-luận »

5) *Huyền-Trang Pháp-Sir* dịch. — Ngài Huyền - Trang lúc ở Ấn-Độ học nhơn minh với ngài Giới-Hiền rất rốt ráo, đã từng lập Duy-Thức-Lượng trong một vô-giá - đại hội gồm có các vị Đại-luân-sư trong các nước An-Độ để thành lập Duy - thức - Tông mà không một ai phá nỗi. Đến khi ngài Huyền-Trang về Trung - quốc ngài mới dịch ra bộ luật này; từ đó bên Trung-Quốc mới có Nhơn-minh học.

能 古 例 能 破

Nâng lặp dū năng phá

反 似 雖 悅 他

Cáp tỗ duy ngọ tha

現 量 與 比 量

Hiện lượng dū tǐ-lượng

反 似 物 自 悟

Cáp tỗ duy tự ngộ.

1) *Năng-lập.* — *Năng-lập* nghĩa là *hay lập* được, nghĩa là có thể thành lập cái tôn-chỉ của mình, như ngài Huyền-Trang muốn thành-lập Duy-Thúc-tông lập ra Duy-Thúc-lượng, không ai phá nỗi tui gọi là *năng-lập*.

Dữ *năng-phá*. — Nghĩa là vác cái *năng-phá*; *năng-phá* là có thể phá lý-thuyết không đúng của kẻ khác. Hoặc tự mình lập ra ngôn-luận trái với lý-thuyết của họ, hoặc mình chỉ các sự lỗi lầm trong lý-thuyết của họ một cách đúng đắn, họ không thể cải được thì gọi là *năng-phá*.

3) *Cáp-tợ.* — Nghĩa là với cái *tự-năng-lập* và cái *tự-tợ* - *năng-phá*. *Tự-năng-lập* nghĩa là in tuồng là *năng-lập*. Nếu có ý lập tôn-chỉ của mình mà lý luận mồ hôi, hoặc có khuyết điểm, thì chỉ in tuồng *năng-lập*, chớ thiệt ra không thể thành-lập được tôn-chỉ; Nhờ vậy thì gọi là *tự-năng-lập*.

*Tự-năng-phá.* — Nghĩa là chỉ trích một cách sai lầm những lý-thuyết đúng đắn hoặc không bắt, những chỗ sai lầm lại bắt những chỗ không sai; như vậy, tuy in tuồng là *năng-phá*, mà thiệt ra chưa hề phá lý-thuyết ai được cả.

4) *Duy-ngô-tha.* — Duy-ngô-tha nghĩa là chỉ về mặt giác - ngộ kẻ khác. Bốn phần *năng-lập*, *năng-phá*, *tự-năng-lập*, *tự-năng-phá* đều đã phô bày nơi lời nói, nơi văn-tự, nên toàn đúng về mặt đối đắc với kẻ khác, giác-ngô cho kẻ khác, nghĩa là về mặt *ngô-tha*.

Song tuy cả 4 phần về mục-dịch đều là *ngô-tha*, nhưng duy có *chọn-năng-lập*, *chọn-năng-phá* được cái kết-quả *ngô-tha* mà thôi.

5) *Hiện-lượng.* — Hiện là hiện-tại, lượng là cân-nhắc; cân nhắc, nhận biết cảnh hiện-tại đúng như sự thật, không lầm nhận những danh-tử, những lỗi so do làm ngoại-cảnh thi gọi là *hiện-lượng*.

6) *Dữ-tí-lượng.* — *Dữ-tí-lượng* nghĩa là và cái *tí-lượng*. Tí là so sánh, lượng là cân nhắc, tí lượng là cân nhắc về lỗi so sánh như hiện thấy *hè có sống* thì *có chết* mà biết rằng thân người đã *có sống* tất nhiên cũng phải *có chết*; so sánh đúng đắn đặng biết một cách xác thực như vậy thi gọi là *chọn-tí-lượng*.

7) *Cáp-tợ.* — Cáp tợ là với cái tự-hiện-lượng và cái tự-tỉ-lượng. *Tự-hiện-lượng* là đem những danh-từ, đem những sự so đo mà cho là hiện cảnh, nên tuy in tuồng là hiện-lượng mà thiệt ra không phải hiện-lượng.

*Tự-tỉ-lượng.* — Là so sánh một cách sai lầm, không đúng sự thực, như thấy người ta có sống thì có chết mà tưởng tượng rằng có ông trời có sống mà không chết.

8) *Duy tự ngô.* — Duy tự ngô nghĩa là duy về phần tự-ngô, về phần giác-ngô cho mình. Chơn-hiện-lượng, chơn-tỉ-lượng, tự-hiện-lượng, tự-tỉ-lượng toàn về phần rõ biết bề trong, không phô bày ra vahn-tự, nên chỉ đúng về mặt tự-ngô. Song tuy mục-dịch của bốn phần đều là tự-ngô mà chỉ có chơn-hiện-lượng, chơn-tỉ-lượng là được cái kết-quả tự-ngô mà thôi.

Nói tóm lại, 4 câu kệ này cốt đẽ nêu tôn-chǐ của Nhơn-minh-nhập-chánh-lý-luận. Tôn-chǐ ấy có thể chia ra hai phương-dện, mỗi phương-diện gồm có 4 phần.

|         |               |                 |        |
|---------|---------------|-----------------|--------|
| NGÔ THA | Chơn-năng-lập | Chơn-hiện-lượng | TỰ NGÔ |
|         | Chơn-năng-phá | Chơn-tỉ-lượng   |        |
|         | Tự-năng-lập   | Tự-hiện-lượng   |        |

  

|             |             |             |        |
|-------------|-------------|-------------|--------|
| Tự-năng-phá | Tự-năng-phá | Tự-tỉ-lượng | TỰ NGÔ |
|             | Tự-tỉ-lượng |             |        |

如是總攝論要義  
Như thị tổng nghiệp chư luận yếu nghĩa

1) *Như thị.* — Như thị là như vậy, tóm chỉ bốn câu kệ vừa nói trên.

2) *Tổng nghiệp chư luận yếu nghĩa.* — là tóm thâu các nghĩa cốt yếu trong các luận. Các luận đây có hai nghĩa.

a) Là chỉ riêng các luận về Nhơn-minh vì các luận về Nhơn-minh dù nhiều cũng không ngoài các khuôn phép «năng-lập, năng-phá», cũng không ngoài các mục-dịch «tự-ngô; ngô-tha».

b) Là chỉ chung tất cả các luận về Phật-pháp, vì các luận tuy nhiều cũng không ngoài mục-dịch «tự-ngô, ngô-tha», cũng không ngoài «hiện-lượng, tỉ-lượng, năng-lập, năng-phá.»

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM



## Thi-lâm

Thơ lưu dạn của ông Hường - Thúe - Tuệ  
Phó-giám-Lâm-Nội-Vụ, về hưu  
thang hèm đường

\*\*\*

Bè hoan thuyền chèo đã tới nơi,  
Lên đường thông thả mặc vui chơi.  
Hiếu trung báo đáp chưa đầy vốn,  
Nhân nghĩa giờ lâu tính đủ lời.  
Làm đến chừng chi, chi cũng thế,  
Ở hay biết phải, phải theo thời.  
Xuân thu nay mới năm mươi sáu,  
Sức mạnh càng thêm hưởng lộc trời.

•••

## Họa nguyên vận

Cảnh hưu vui thú vẫn nhiều nơi,  
Những chốn thuyền-môn cũng thú chơi.  
Âm-đức có gác thời có vốn,  
Đương-gian còn nợ hồn lời.  
Giàu lòng bác-ái nên tu đạo,  
Rộng lượng từ-bi phải cứu thời.  
Mau ghé một vai vào Hội-Phật,  
Ginh chung quả phước rải phuơng trời.

Tâm-Cao Lê-Mai-Bình

Phụng họa

## Lè tiệp Cụ Đại-Sứ GODART trong dịp cụ đến thăm Phật-học-đường của An-Nam Phật-Học-Hội

Hồi được tin quan Thượng-tho GODART sẽ đến thăm Phật-học-đường, thi liền nhờ ngài Trù-Tri chùa Từ-quang, ngài Trù-Tri chùa Van-Phúc, ông Tôn-Thất-Tùng, ông Lê-Đinh-Lạc, ông Lê-Văn-Lử, ông Hoàng-Khoa-Dai và ông Trần-Diệm lo liệu việc trấn-thiết chùa để tiếp rước. Tuy ngày giờ rất gấp mà các ngài trong ban Trấn-thiết đã chung dọn trong chùa rất nghiêm chỉnh và đã làm kịp trước chùa một cái thè-băng kết lá kết sòng, treo phan treo đèn, rất có mỹ-thuật.

Ngày 27-2-37, đúng 6 giờ 20 phút, Cụ GODART và phu-nhơn, cùng Cụ Khâm-Sứ GUILLEMAIN, cụ Liêm-Phóng SOGNY, quan Thanh-trạ Lao-đông BON đến chùa. Cụ Thiếu Nguyễn Đinh-Hoè, Hội-trưởng của Hội, Cụ Hiệp Nguyễn-khoa-Tân, Cụ Hiệp Ưng-Bằng Cố-vân của Hội, đồng thay mặt Hội ra đón rước. Cụ GODART vào rạp thi có ngài Tăng Cang chùa Linh-Mụ, ngài Tăng-Cang chùa Bảo-Quốc, ngài Tăng-Cang chùa Từ-Hiếu, Chứng-Minh Đạo-Sư của Hội thay mặt các bực Tăng-già ra chào mừng và xin phép vào chùa làm lễ đê chúc hô cho Cụ Đại-Sứ được bình yên. Ba ngài và các vị Trù-Tri, các Chư-son Đại-đức và học-sanh các trường làm lễ xong thì ông Nguyễn-Khoa-Toàn đứng lên đọc bài chúc-tử băng pháp-văn. Ông Nguyễn-Khoa-Toàn là giáo-sư về triết-học của Phật-Học-đường, đã thừa dịp dời bài chúc-tử ra một bài diễn-văn, chỉ những chỗ đồng, dị của Đại-thừa Phật-pháp xử ta đối với xã-hội-học, lời lẽ tuy giản dị mà ý nghĩa sâu xa, làm cho các thính-giả đều phải vỗ tay khen ngợi (có đăng nguyên-văn trong kỵ này).

kết cù Hội-trưởng đứng lên chắp tay tung-hô:

«Đại-Pháp vạn tuế,  
Đại-Nam vạn tuế,»

các thính-giả đều đồng-thanh hưởng ứng. Cụ GODART liền đứng dậy đáp lại bài chúc-lời một cách rất cảm động. Đại-ý lời đáp từ của cụ nói: Cụ rất cảm khích về lối tiếp rước rất thân mật của Hội. Cụ cảm ơn toàn thể Hội-viên và riêng phần cụ Chánh-hội-trưởng vừa đã tung-hô chúc tụng cho nước Pháp. Cụ khen ngợi ông Nguyệt-Khoa-Toàn đã phô bày tôn-chỉ đạo-Phật xứ ta một cách rất tinh-tường về mặt xã-hội. Cụ nói có người thấy vị Đại-sứ của Chánh-Phủ Bình-Dân đến thăm trường học của đạo Phật mà lấy làm lạ, vì họ chưa hiểu tinh-thần xã-hội của Chánh-Phủ Bình-Dân, chờ dầu các phương-pháp hành-dộng của Chánh-Phủ Bình-Dân phần nhiều có: đề nương cao trinh-degree dát-chung về mặt thực-lẽ, nhưng kỳ thật cũng mong cho họ nhơn đó được nâng cao lý-tưởng, mà nương cao lý-tưởng, tức là không ngoài cái mục-dịch tâm-trí tần-hoa của Đại-thừa Phật-giáo. Đại-thừa Phật-giáo, như ông Nguyệt-Khoa-Toàn vừa nói, về mặt thiệp-thể, rất chú trọng về sự công-bằng bác-ái, tinh-thần của xã-hội-học cũng không ngoài sự công-bằng bác-ái, vậy chánh-sách của Chánh-Phủ Bình-Dân và mục-dịch của An-Nam Phật-Học-Hội tuy khác, song sẽ vui vẻ gặp nhau tại một phương-diện rất quí-hoa, rất tốt đẹp, rất thanh cao là cái phương-diện công-bằng bác-ái. Trước khi dứt lời, Cụ GODART đề lời chúc tụng cho nước Nam được thịnh-vượng và Phật-giáo được phồn-cập.

Cụ-ợa đều vỗ tay hoan-nghinh đáp từ của Cụ Đại-Sứ, Cụ vừa ngồi xuống thì đã có mấy chục đồng-đấu đến dâng hoa và hát những bài chúc mừng. Hát xong, đồng thanh tung-hô «GODART trưởng-thọ».

Lễ tiễn rước này rất nghiêm chỉnh và vui vẻ, có các quan Tây, Nam, các ngài chủ bút và phóng viên các báo dự rất đông.

Sau khi ra về, ai nấy đều khen bài diễn văn của Ông Nguyễn-Khoa-Toàn rất có ý nghĩa, vì đã chỉ rõ rằng: Đại-thừa Phật-giáo về mặt thực-lẽ rất thích-hợp với văn-đề nhân-sanh-nghĩa là thích-hợp với các học-thuyết dựng trên cái nền công-bằng bác-ái.

---

**Năm nay Annam Phật Học Hội định làm lễ  
Khánh-Đản đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật theo  
chương-trình như sau này:**

### **Chương-trình**

**LỄ KHÁNH-ĐẢN ĐỨC PHẬT THÍCH-CA**

*Ngày mồng 7 và mồng tám tháng tư năm Đinh-Sửu  
(16 – 17 Mai 1937)*

*Ngày mồng bảy (16 Mai 1937)*

18h30 — Lễ Niệm-hương — tại chùa Diệu-Đế

Lễ rước Phật — Hành-trình: Diệu-Đế đi, Quai Gia Hội, cầu Gia-Hội, Quai Đông-Ba, Rue l'Ecole, Rue Gia-Long; Rue Paul Bert, lên dến dắt chùa Hội (gần Phu-Văn-Lâu).

Lễ An-vị — Đốt pháo.

Các ngài Chư-Son, Chứng-Minh Đạo-Sư, Tăng-Già, Đại-Học-Trường, Trung-Học-Trường, Ban-Trưởng các đoàn đèn và tất cả Hội-Viên đồng niệm Phật.

2. — Các diệu trường Tiêu-Học tán tụng công đức Phật.  
3. — 100 đồng ấu hát và tán tụng công đức Phật.

*(Ngay mồng tám (17 Mai 1937)*

7h00 — Lễ Phật — Các ngài Chứng Minh, Đại Trung Học, và Hội-viên làm lễ.

*(Các chùa ở Huế đều nỗi chuông trống bát-nhã)*

8h00    Đánh trống bão cáo.

8h30 — Giảng Kinh : Một Pháp Sư giảng kinh « Diệu-Pháp Liên-Hoa. »

9h30 đến 11h30 — Các thầy Trung Học và Hội-viên niệm Phật

12h30 — Lễ Cúng Ngũ: Các chùa ở Huế đều nỗi chuông trống

bát-nhã.

13h00 đến 16h30 Các thầy Trung Học và Hội-viên niệm Phật.

16h đến 17h00 — Cử-Sỹ Lê-Đình-Thám thuyết-pháp về đề mục :  
« Thể rào là Phật pháp »

19h30 đến 21h00 — 1. Các diệu Trường Tiêu-Học làm lễ  
tán tụng công đức Phật.

2. — Tất cả Hội-viên và các thầy Trung-Học niệm  
Phật,

3. — Đồng-đấu hát các bài tán tụng công đức Phật,  
21h30 — Đốt pháo bông.

22h00 — Các ngài Chứng-Minh Đạo-Sư, Tíng già, các thầy  
Đại-Trung-Tiêu-Học và Hội-Viên thỉnh tượng Phật  
về chùa Diệu-Đế.



# Phương danh những độc-già Viên-âm

Trả tiền năm thứ hai

|                                 |       |                          |      |
|---------------------------------|-------|--------------------------|------|
| <b>Hà-nội</b>                   |       |                          |      |
| M. Đỗ-dinh-Thọ                  | 2\$00 | Nguyễn-Đóa               | 2.00 |
|                                 |       | Nguyễn-tháng-Ý           | 2.00 |
|                                 |       | Hoàng-Cát                | 2.00 |
| <b>Bắc-ninh</b>                 |       | Nguyễn-văn-Đồng          | 2.00 |
| M. Nguyễn-công-Dy               | 2.0   | Nguyễn-phương-Chánh      | 2.00 |
|                                 |       | Nguyễn-lẩn-Đức           | 2.00 |
| <b>Hưng-yên</b>                 |       | Nguyễn-trí-Hưng          | 2.00 |
| Phật-giáo Thư-viên              | 1.00  | S.E. le Cẩn-chánh Bà-ba  | 4.00 |
| (trả lần thứ hai)               |       | (năm thứ 2 và năm thứ 3) |      |
| <b>Quảng-bình</b>               |       |                          |      |
| M. Ngô-manh-Đắc                 | 1.00  | <b>Nha-trang</b>         |      |
| (trả lần thứ nhứ <sup>1</sup> ) |       | MM. Đào-xuân-Du          | 2.00 |
| <b>Tourane</b>                  |       | Nguyễn-hữu-Vinh          | 2.00 |
| MM. Phan-dắc-Lộc                | 2.00  | <b>Qui-nhơn</b>          |      |
| Nguyễn-hữu-Triệu                | 2.00  | M. Nguyễn-phuong-Kỳ      | 2.00 |
| Trần-thiện-Khanh                | 1.00  | <b>Sông-cầu</b>          |      |
| Nguyễn-văn-Tuất                 | 2.00  | MM. Huynh-phuoc-Hộ       | 1.00 |
| <b>Tam-kỲ</b>                   |       | Trần-ký Qui              | 2.00 |
| MM. Nguyễn-văn-Tấn              | 2.00  | (trả năm thứ ba)         |      |
| Đặng-dinh-Nam                   | 2.00  | Mme Áu-Sát               | 2.14 |
| Nguyễn-công-Hoán                | 2.00  | M.M. Phạm-Khai           | 2.00 |
| Mai-Xuân                        | 2.00  | Cao-tâm-Quan             | 2.00 |
| <b>Faifo</b>                    |       | <b>Phan-thiết</b>        |      |
| MM. Trần-Hậu                    | 2.00  | MM. Trần-Tiêu            | 2.00 |
| Trần-Thước                      | 2.00  | (trả năm thứ ba)         |      |
| Phan-xuân-Quỳnh                 | 2.00  | Phan-Được                | 2.00 |
| Tổng-Quyền                      | 2.00  | <b>Đà-lạt</b>            |      |
| Phan-Tân                        | 2.00  | M. Phan-tấn-Cử           | 2.00 |
| Nguyễn-hữu-Lư                   | 2.00  | <b>Đại-lành</b>          |      |
| (trả năm thứ ba)                |       | M. Tôn-thất-Hợp          | 2.00 |
| Huỳnh-ngọc-Trác                 | 1.00  | <b>Phan-rang</b>         |      |
| Phan-Khanh                      | 2.00  | MM. Trương-mạnh-Nhiếp    | 2.00 |
| Mme Phạm-thi-Nhơn               | 2.00  | Nguyễn-trí-Thắng         | 2.00 |
| Mme Nguyễn-tích-Luận            | 2.00  | <b>Pleiku</b>            |      |
| M. Hồ-xuân-Tan                  | 2.00  | M. Nguyễn-hữu-Khanh      | 2.00 |
| <b>Quảng-ngãi</b>               |       |                          |      |
| MM. Trương-quang-Nhuận          | 2\$00 |                          |      |

| <b>Sài-gòn</b>        |  | <b>Biên-hòa</b> |                                      |
|-----------------------|--|-----------------|--------------------------------------|
| M.                    | Triệu-văn Ngọc                         | 1.20            | MM. Nguyễn-văn-Thủ                   |
|                       | <b>Chợ-lớn</b>                         |                 | Hải-Tâm<br>(Tứ số 19 sắp lê)         |
| M.                    | Ngô-văn-Thắng                          | 2\$00           | Trần-văn-Tri                         |
| <b>Thudaumot</b>      |  |                 |                                      |
| Ngài                  | Yết-Ma Tù-Tâm                          | 1.00            | MM. Nguyễn-văn-Nhứt                  |
| <b>Vĩnh-long</b>      |  |                 | (trả năm thứ ba)                     |
| Mme                   | Bùi-thị-Huệ                            | 0.50            | Nguyễn-văn-Hương                     |
| MM.                   | Nguyễn-văn-Nhâm                        | 1.00            | Nguyễn-văn-Chiểu                     |
|                       | Nguyễn-hàm-Cung                        | 2.00            | Nguyễn-văn-Mến                       |
| Mme                   | Vve Trần-lực-Truởc<br>(trả năm thứ Ba) | 2.00            | Phạm-văn-Thơ                         |
| MM.                   | Trương-tấn Vị<br>(năm thứ tư)          | 2.00            |                                      |
|                       | Dương-văn-Mậu                          | 2.00            |                                      |
| <b>Căn-thơ</b>        |  |                 |                                      |
| M.                    | Phan-văn-Kiêm                          | 2.00            | MM. Nhơn                             |
| Melle                 | Trần thị Rạng                          | 2.00            | Nguyễn-đăng-Hành<br>(trả năm thứ ba) |
| <b>Mỹ-tho</b>         |  |                 | Lê-An                                |
| M.                    | Ngô-bình-Quới                          | 2.00            |                                      |
| <b>Rạch-giá</b>       |  |                 |                                      |
| M.                    | Vương-văn-Tuy                          | 2.00            |                                      |
| <b>Sóc-trăng</b>      |  |                 |                                      |
| MM.                   | Đi-văn-Bé                              | 2.00            | MM. Nguyễn-văn-Mạnh                  |
|                       | Nguyễn-văn-Chót                        | 4.00            | Nguyễn-minh-Lý                       |
|                       | Nguyễn-lập-Kỳ                          | 2.00            | (trả lần thứ hai)                    |
| <b>Mỏ-cày</b>         |  |                 |                                      |
| MM.                   | Trào-hữu-Dụng<br>(trả lần thứ hai)     | 1.00            | M. Nguyễn-văn-Bé                     |
|                       | Võ-châu-Lộc                            | 2.00            |                                      |
| <b>Bắc-liêu</b>       |  |                 |                                      |
| M.                    | Trầu-phát-Đạt                          | 2.00            | M. Nguyễn-văn-Quí                    |
| <b>Long-xuyên</b>     |  |                 |                                      |
| M.                    | Trần-thiện-Hạnh                        | 2.00            |                                      |
| <b>Sadec</b>          |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Cap-St-Jacques</b> |  |                 |                                      |
| M.                    | Nguyễn-văn-Đặng                        | 1.00            |                                      |
| <b>Trà-vinh</b>       |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Cambodge</b>       |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Laos</b>           |  |                 |                                      |
|                       |  |                 | (Savannakhet)                        |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Khône</b>          |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Phnom Penh</b>     |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Kompong Chàm</b>   |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>Long-xuyên</b>     |  |                 |                                      |
|                       |  |                 |                                      |
| <b>(còn nữa)</b>      |  |                 |                                      |

# ĐỨC CÁO KỲ SAU



Kiết-sanh-tương

tục - luận

Nhơn-Minh-loận

(Còn nữa)

LỄ LẠC - THÀNH CHÙA HỘI - QUÁN « ANNAM  
PHẬT HỌC CHI-HỘI Ở ĐÀ-NẴNG

Ngày 12 và 13 tháng 11 năm Bính-tý

(25 & 26 Décembre 1936)

## Chương-trình

### Ngày 12 tháng năm Bính-tý

Buổi trưa : 12 giờ. — Lễ Khai-quán diễm-nhãa tương đúc Thích Ca Mâu-ni.

Buổi tối : 6 giờ. — Lễ An-vy Phật.

7 giờ. — Diễn-văn tiếng Pháp và tiếng Nam.

8 giờ. — Hát Đồng-Ấu.

9 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.

10 giờ. — Đốt pháo hông.

### Ngày 13 tháng 11 năm Bính-tý

Buổi mai : 8 giờ. — Phip-sư thuyết-pháp.

9 giờ đến 11 giờ. — Lễ Qui-Y và thuyết Tam-Qui  
Ngoài-giờ.

Buổi chiều : 3 giờ. — Cư-sĩ thuyết-pháp.

4 giờ. — Ni-eô thuyết-pháp.

Buổi tối : 7 giờ. — Hát Đồng-Ấu.

8 giờ. — Chân-té.

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

# VIÊN - ÂM (LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Hué

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Hué

Cửu nhiệm : LÉ-DINH-THÁM, Médecin Indochinois  
Boîte postale N° 73 — Hué

## PHẬT-HỌC THIỀN-ĐÀM

Ông Tế Nam Liên-Khốt đã tái-bản quyển  
« Phật học Thiền đàm » quyển ấy, tòa-soạn  
chúng tôi đã duyệt-ý và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiền  
đàm » xin cứ gửi thư cho Tòa soạn Viên-Âm,  
boîte postale n° 73 Hué,

Giá Phat-hoc Thienn-dam { 1 quyển 0\$05  
{ 10 quyển 040